

325 năm Biên Hòa - Đồng Nai
THEO DÒNG CHẢY THỜI GIAN

BÁO ĐỒNG NAI - UBND THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

325 năm Biên Hòa - Đồng Nai
Theo dòng chảy thời gian

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

BAN CHỈ ĐẠO

Thành ủy Biên Hòa - Ban Biên tập Báo Đồng Nai

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

ĐÀO VĂN TUẤN - Tổng biên tập Báo Đồng Nai

ĐINH KIM TUẤN - Phó tổng biên tập Báo Đồng Nai

NGUYỄN XUÂN THANH - Phó chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa

HOÀNG THỊ BÍCH PHÚ - Phó tổng biên tập Báo Đồng Nai

BIÊN TẬP

Thùy Trang, Phương Uyên, Thái Thuận, Nguyễn Phượng,
Hương Giang, Ngọc Thư, Minh Hồng, Thúy Hà

VỚI SỰ THAM GIA CỦA CÁC TÁC GIẢ

Nguyễn An, Trần Huy Anh, Nguyễn Hồng Ân, Trần Phi Châu, Lâm Cón,
Trần Hữu Cường, Phan Đình Dũng, Lê Dũng, Cẩm Điệp, Hương Giang,
Nguyễn Minh Đức, Nguyễn Thái Hải, Trần Thu Hằng, Phạm Văn Hoàng,
Lò Văn Hợp, Bùi Quang Huy, Nguyễn Vĩnh Huy, Vũ Trung Kiên, Đào
Hồng Khởi, Hà Lê, Ngọc Liên, Nguyễn Thanh Lợi, Nguyễn Thị Nguyệt,
Văn Phong, Lê Quyên, Đào Sỹ Quang, Nguyễn Thắm, Vương Thế, Bùi
Công Thuận, Bùi Thuận, Hà Thị Thanh Thúy, Trịnh Tình, Huỳnh Văn Tới,
Nguyễn Thị Thùy Trang, Anh Trọng, Phạm Tùng, Lê Thị Phương Uyên,
Đàm Chu Văn...

MỘT SỐ TỪ VIẾT TẮT TRONG SÁCH

CLB: Câu lạc bộ

CP: Cổ phần

GD-ĐT: Giáo dục - đào tạo

GTVT: Giao thông vận tải

GS: Giáo sư

H.: Huyện

HTX: Hợp tác xã

KCN: Khu công nghiệp

NN-PTNT: Nông nghiệp - phát triển nông thôn

NXB: Nhà xuất bản

P.: Phường

PGS: Phó giáo sư

Q.: Quận

TP.: Thành phố

TP.HCM: Thành phố Hồ Chí Minh

TS: Tiến sĩ

TT.: Thị trấn

TX.: Thị xã

UBND: Ủy ban nhân dân

Lời giới thiệu

Năm 2023 đánh dấu sự kiện tròn 325 năm Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh vâng lệnh chúa Nguyễn vào kinh lược vùng đất phương Nam. Với cột mốc quan trọng, có ý nghĩa thiêng liêng này, vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai đã trở thành một phần máu thịt của đất mẹ Việt Nam.

Từ hào khí Thăng Long ở kinh đô Ngàn năm văn hiến vọng về, trao truyền những giá trị tinh hoa, bao lớp cư dân đi mở đất, mở cõi ngày ấy đã giữ gìn, phát huy và hun đúc nên hào khí Trấn Biên. Để rồi, như một lẽ tự nhiên, quy luật tất yếu, hào khí Trấn Biên ấy đã hòa vào cội nguồn văn hóa của dòng giống con Lạc cháu Hồng và bồi đắp thêm nhiều giá trị, dấu ấn mới.

Nhìn lại hành trình 325 năm qua, tài sản ông cha để lại trên quê hương “miền Đông gian lao mà anh dũng” là từng tấc đất, tấc sông với những chiến công thắm đẫm sự hy sinh của biết bao anh hùng liệt sĩ đã nằm xuống giữ yên bờ cõi, quét sạch gót giày xâm lăng, để mảnh đất quê hương là chốn thanh bình cho lớp lớp cháu con...

Cơ đồ ông cha để lại, từ một “xứ sở lạ lùng, dưới sông sâu lội, trên bờ cộp um”, Biên Hòa - Đồng Nai đã trở thành một vùng đất lành với “gạo trắng nước trong”, và ngày nay là những đô thị hiện đại, quy mô; những xã, những huyện nông thôn mới trù phú; những khu công nghiệp tiên tiến vươn tầm quốc tế. Biên Hòa - Đồng Nai với những lợi thế so sánh về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, truyền thống làm ăn năng động, nhạy bén, cùng hệ thống giao thông kết nối liên vùng, liên khu vực sẽ được kích hoạt trong một tương lai không xa... đã và đang trở thành thời nam châm thu hút các

nhà đầu tư có chất lượng hàng đầu thế giới. Suốt nhiều thập kỷ, Đồng Nai không chỉ là địa phương thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thuộc hàng tốp của cả nước, mà còn là một cực tăng trưởng quan trọng trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, hàng năm đều có đóng góp tích cực cho ngân sách quốc gia.

Di sản ông cha để lại là tinh thần mạnh mẽ, kiên trung, bất khuất trước những khó khăn, thử thách, có thể vượt qua mọi trở lực; đồng thời cũng là tấm lòng nghĩa tình, hào sảng, khí khái có thể mở lòng, sẵn sàng dang tay đón nhận hàng triệu người dân xa xứ vào lập thân lập nghiệp.

Dù trải qua những biến thiên của lịch sử, công ơn và hào khí của các thế hệ tiền nhân vẫn được hậu thế khắc ghi, trân trọng, xem như một sợi chỉ đỏ xuyên suốt, thấm thấu như một lẽ tự nhiên trong hành trình giữ gìn và bảo vệ Tổ quốc hôm nay và cả mai sau. Mỗi người dân đã và đang nỗ lực học tập, hăng say lao động, đổi mới sáng tạo để góp phần tạo ra các giá trị của cải vật chất và tinh thần, từ đó chung tay góp sức dựng xây Biên Hòa - Đồng Nai ngày càng phồn vinh, hào khí Trấn Biên ngày càng rạng rỡ. Thật đáng quý làm sao khi ý thức trách nhiệm thiêng liêng đó chỉ có thể xuất phát từ chính tình cảm thiết tha của mỗi người đối với quê hương, xứ sở...

Thiết thực kỷ niệm 325 năm hình thành và phát triển vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai, Báo Đồng Nai phối hợp với UBND TP. Biên Hòa thực hiện tuyển tập các bài báo viết về Biên Hòa - Đồng Nai trong năm 2023 trên Báo Đồng Nai cuối tuần và Báo Đồng Nai.

Trong quá trình thực hiện, do gấp rút về thời gian, ấn phẩm không tránh khỏi những sơ sót. Chúng tôi rất mong nhận được sự góp ý và thông cảm của các chuyên gia, nhà khoa học, nhà nghiên cứu văn hóa, cùng bạn đọc gần xa.

Trân trọng!

Biên Hòa - Đồng Nai Vùng đất giàu truyền thống văn hóa, lịch sử

THÀNH ỦY BIÊN HÒA

Với bề dày lịch sử 325 năm hình thành và phát triển (1698-2023), giàu truyền thống cách mạng, nơi hội tụ của “hồn thiêng sông núi” đất phương Nam, đội ngũ cán bộ lãnh đạo tâm huyết, có trách nhiệm cao vì sự phát triển chung; đặc biệt là sự quan tâm hỗ trợ, tạo điều kiện của lãnh đạo tỉnh, sự đồng tâm hiệp lực, sự vào cuộc quyết liệt, đồng bộ của cả hệ thống chính trị của thành phố và 30 phường, xã, Đảng bộ và nhân dân TP.Biên Hòa sẽ vượt qua mọi thách thức để xây dựng hình ảnh văn hóa, con người Biên Hòa nhân ái, nghĩa tình, sáng tạo và góp phần đưa Đồng Nai phát triển bền vững, thịnh vượng.

Nơi hội tụ của “hồn thiêng sông núi” đất phương Nam

Theo sử sách xưa, từ thế kỷ thứ I đến thứ VI, vùng đất Biên Hòa và miền Đông Nam bộ thuộc vương quốc Phù Nam; từ thế kỷ thứ VII thuộc về vương quốc Chân Lạp (nguyên là một thuộc quốc của Phù Nam, sau phân thành Lục Chân Lạp và Thủy Chân Lạp). Từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XVI đây là vùng tranh chấp giữa Chân Lạp và Champa. Châu Đạt Quan trong



Cầu Ghềnh xưa

tác phẩm Chân Lạp phong thổ ký và Lê Quý Đôn trong Phủ Biên tạp lục hay Trịnh Hoài Đức trong Gia Định thành thông chí... mô tả cho ra kết luận này.

Theo sử sách, năm 1620 Chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên gả Hoàng nữ Ngọc Vạn cho vua Chân Lạp là Chey Chetta II, mở đầu cho giai đoạn người Việt vào vùng đất mới.

Tại vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai xưa vẫn còn những di tích cho thấy sự hiện hữu của người Việt ở đây. Đó là chùa Long Thiên ven sông Đồng Nai (nay thuộc P.Bửu Hòa, TP.Biên Hòa) do nhà sư Thành Nhạc cùng một số phật tử dựng lên (năm 1664); chùa Bửu Phong (P.Bửu Long, TP.Biên Hòa) do nhà sư Thành Trí cùng một số phật tử dựng lên (năm 1679); chùa Đại Giác (cù lao Phố, nay thuộc P.Hiệp Hòa, TP.Biên Hòa) do nhà sư Thành Đẳng cùng cư dân Việt từ ngũ Quảng vào xây dựng (năm 1665). Cả ba nhà sư này đều là đệ tử nhà sư Nguyên Thiều Siêu Bạch, người xây dựng chùa Kim Cang (xã Tân Bình, H.Vĩnh Cửu) trước đó khoảng năm 1616. Thất phủ cổ miếu của người Hoa xây dựng năm 1684 thờ Quan Công và các vị thánh thần theo truyền thống của cộng đồng người Hoa khi vào định cư ở Biên Hòa, một thiết chế cho thấy sự giao lưu văn hóa Hoa - Việt ở địa phương...

Lịch sử vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai là lịch sử của cộng đồng các dân tộc sống và khai phá vùng đất này. Nhóm người Hoa theo Trần Thượng Xuyên với khoảng 3 ngàn người vào năm 1679 cùng với người dân tại chỗ, người Việt vào từ sau năm 1620... cộng với những người Việt từ ngũ Quảng

tránh chiến tranh giữa hai tập đoàn phong kiến Trịnh - Nguyễn đã có công khai phá vùng đất mới.

Kịp đến năm 1698, Nguyễn Hữu Cảnh được chúa Nguyễn cử vào kinh lược vùng đất phương Nam, xây dựng thiết chế hành chính lập phủ Gia Định với hai huyện Tân Bình (nay là TP.HCM) và Phước Long (nay là Biên Hòa - Đồng Nai), mở đầu và định hình vùng đất mới vào lãnh thổ của Đại Việt. Những người Việt ở ngũ Quảng tiếp tục được Nguyễn Hữu Cảnh chiêu mộ với những chính sách thông thoáng đã cùng cộng đồng các dân tộc, bản địa, người Hoa góp công lớn trong việc khai phá dựng xây cù lao Phố thành thương cảng sầm uất trong thế kỷ XVIII không chỉ giao lưu thương mại trong nước mà cả quốc tế.

Những điều trên cho thấy, Biên Hòa - Đồng Nai là vùng đất hội tụ, vùng đất mở không chỉ về kinh tế, mà cả về văn hóa tâm linh. Những di tích tồn tại là minh chứng cho sự hòa đồng, một nét đẹp văn hóa, tôn trọng những giá trị truyền thống kính nhớ tổ tiên, ngưỡng vọng những giá trị mang tính chất truyền thống của dân tộc: Trung - Hiếu, Nhân - Nghĩa... của người Biên Hòa - Đồng Nai.

Thể hiện phẩm chất, truyền thống năng động, kiên cường

325 năm (1698-2023) hình thành và phát triển vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai là một quá trình lịch sử vùng đất có nhiều biến động, nhiều sự kiện thể hiện được phẩm chất và truyền thống năng động, đấu tranh kiên cường vì độc lập dân tộc và không ngừng sáng tạo trong xây dựng của nhân dân và Đảng bộ TP.Biên Hòa, đô thị loại I.

Khi đất nước còn chìm trong nô lệ thực dân Pháp, năm 1905, Biên Hòa đã có cuộc nổi dậy của Đoàn Văn Cự và nghĩa binh (nay được công nhận di tích lịch sử quốc gia khu lăng mộ và đền thờ Đoàn Văn Cự và 17 nghĩa binh). Đó là cuộc nổi dậy của nhóm Trại Lâm Trung kháng Pháp (nơi thờ 9 nghĩa binh hy sinh là Bửu Hưng Tự được xếp hạng di tích cấp tỉnh).

Khi có Đảng lãnh đạo, tổ chức Đảng ở TP.Biên Hòa ra đời khá sớm, đặc biệt trong đó có Chi bộ Đảng sở Trường tiên, Chi bộ Đảng Nhà máy BIF, làm nòng cốt để lãnh đạo Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công.

Trong kháng chiến chống Pháp, Biên Hòa là nơi đầu tiên nổ tiếng súng tấn công các đồn binh, doanh trại của Pháp trong TX.Biên Hòa (ngày 1 rạng sáng 2-1-1946) thể hiện tinh thần khát khao độc lập dân tộc. Những cơ sở bí mật trong thành phố đóng góp lớn vào chiến thắng La Ngà vào tháng 3-1948.

Trong kháng chiến chống Mỹ, Biên Hòa là địa phương diễn ra nhiều sự kiện lịch sử cách mạng thể hiện lòng yêu nước, ý chí tiến công, bất khuất của Đảng bộ và quân dân địa phương. Đó là cuộc nổi dậy phá khám Tân Hiệp vào ngày 2-12-1956, cuộc phá khám do Đảng ủy nhà tù lãnh đạo có quy mô lớn nhất trong lịch sử, với 462 đảng viên, cán bộ, người yêu nước thoát tù, là nguồn lực cung ứng cho kháng chiến. Đó là cuộc tập kích vào phái bộ cố vấn quân sự Mỹ (MAAG) ở Tân Mai (thường gọi Nhà Xanh) vào đêm 7-7-1959, lời tố cáo đanh thép về chế độ tay sai của chính quyền Sài Gòn và sự can thiệp của Mỹ vào miền Nam. Đó là trận tập kích bằng pháo binh đầu tiên vào sân bay quân sự Biên Hòa vào ngày 31-10-1964 được Chủ tịch Hồ Chí Minh khen ngợi.

Cùng với các đơn vị vũ trang, đặc công, Đảng bộ và quân dân Biên Hòa đã lập nên những chiến công lớn đánh vào sân bay quân sự Biên Hòa, Tổng kho hậu cần lớn của Mỹ ở miền Nam, phá hủy nhiều phương tiện thiết bị chiến tranh của Mỹ, phối hợp cùng toàn miền đánh thắng chiến tranh xâm lược, giải phóng miền Nam.

Nhiều đơn vị vũ trang từng chiến đấu ở Biên Hòa; nhiều đơn vị cấp phường, xã, cá nhân được tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang tiêu biểu như: Trần Công An, Lê Bá Ước, Huỳnh Tấn Minh...; Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới và các bà mẹ được tôn vinh Bà mẹ Việt Nam anh hùng là minh chứng cho truyền thống yêu nước cách mạng của Đảng bộ và quân dân Biên Hòa.

Không chỉ là anh hùng trong chiến tranh giành độc lập dân tộc với nhiều nhân vật, sự kiện lịch sử ghi dấu trong lịch sử chung của cả nước; Biên Hòa còn là vùng đất sản sinh nhiều nhà văn hóa danh nhân trong lịch sử. Đó là danh nhân văn hóa Trịnh Hoài Đức, làm quan thanh liêm trải ba đời vua triều Nguyễn, một trong Gia Định Tam gia với tác phẩm nổi tiếng Gia Định thành thông chí. Thời hiện đại, những nhà văn lớn như: Huỳnh Văn Nghệ, Bình Nguyên Lộc, Lý Văn Sâm, Hoàng Văn Bồn... có nhiều đóng góp với nhiều tác phẩm có giá trị văn hóa, lịch sử, xã hội.

Ngày nay, Biên Hòa là đô thị loại I với những khu công nghiệp lớn thu hút hàng trăm ngàn lao động từ mọi miền đất nước về dựng xây, thu hút các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào đầu tư, có nhiều đóng góp cho GRDP của tỉnh. Trong đó đặc biệt là Khu công nghiệp Biên Hòa 1 (trước năm 1975 là Khu kỹ nghệ Biên Hòa) - khu công nghiệp được xây dựng sớm nhất ở miền Nam (năm 1963), một chứng nhân lịch sử cho



Ảnh: LÊ DŨNG

Khu công nghiệp Biên Hòa 2

sự phát triển công nghiệp ở địa phương và phong trào đấu tranh của đội ngũ công nhân Biên Hòa trong đấu tranh và xây dựng. Tương lai, Khu công nghiệp Biên Hòa 1 sẽ di dời và chuyển đổi công năng theo quy hoạch của tỉnh, chắc hẳn nơi đây sẽ hình thành nhà trưng bày hoặc Bảo tàng Công nghiệp và công nhân của tỉnh, nơi sinh hoạt giáo dục truyền thống về đội ngũ công nhân anh hùng ở địa phương.

Toàn thành phố có 27 di tích các loại như: lịch sử, mỹ thuật kiến trúc, văn hóa... được công nhận di tích cấp quốc gia, cấp tỉnh là những dấu ấn của lịch sử 325 năm hình thành và phát triển của Biên Hòa - Đồng Nai sẽ là những địa chỉ đỏ và liên kết thành sản phẩm du lịch văn hóa, tín ngưỡng, tâm linh ở địa phương. Trong đó có những di tích ghi đậm dấu ấn thời cha ông mở cõi như các chùa Bửu Phong, Long Thiên, Đại Giác, đình Nguyễn Hữu Cảnh, Tân Lâm, chùa Ông...

Đồng Nai là một tỉnh có quy mô lớn, văn hóa đa dạng, có vị thế kinh tế - chính trị - văn hóa vùng Đông Nam bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam với những giá trị riêng biệt về vùng đất, con người Đồng Nai; phong phú về sinh học, đa nguồn văn hóa, đa loại hình phát triển kinh tế và tổ chức xã hội; có nhiều cơ hội để bảo tồn và phát huy giá trị con người. Việc phát huy truyền thống yêu nước, không chỉ bảo tồn và phát huy giá trị những di sản lịch sử, văn hóa trên địa bàn, Đảng bộ, quân dân thành phố không ngừng nỗ lực trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng, những công trình phục vụ



Ảnh: LÒ VĂN HỢP

Một khu dân cư mới ở P.Bửu Long, TP.Biên Hòa

kinh tế, giáo dục, y tế và an sinh xã hội và an ninh quốc phòng, đặc biệt các phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, khu phố văn hóa, đô thị văn minh nhằm xây dựng TP.Biên Hòa thành đô thị xứng tầm theo hướng đi lên công nghiệp hóa - hiện đại hóa một cách bền vững.

Thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 12-12-2023 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XI về “Xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, con người Đồng Nai trở thành nguồn lực, động lực quan trọng cho phát triển toàn diện và bền vững”; xuất phát từ quan điểm “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người ở Đồng Nai trở thành nguồn lực nội sinh để phát triển kinh tế - xã hội...”, Đảng bộ và nhân dân TP.Biên Hòa lấy phát triển kinh tế bền vững làm trung tâm, xây dựng Đảng bộ vững mạnh làm nhiệm vụ then chốt, phát triển văn hóa bền vững làm mục tiêu động lực tinh thần phát triển kinh tế; lấy an ninh quốc phòng làm nhiệm vụ quan trọng.

Xây dựng hình ảnh văn hóa, con người Biên Hòa nhân ái, nghĩa tình, sáng tạo

Để phát huy truyền thống anh hùng, vùng đất địa linh nhân kiệt, Thành ủy - HĐND - UBND - Ủy ban MTTQ Việt Nam TP.Biên Hòa sẽ tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt thực hiện các Nghị quyết, Chỉ thị, Kết luận,

tư tưởng Trung ương, Nghị quyết của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XI) về lĩnh vực văn hóa, tập trung vào các nhiệm vụ sau:

1. Tiếp tục triển khai - cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 12-12-2023 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XI về “Xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, con người Đồng Nai trở thành nguồn lực, động lực quan trọng cho phát triển toàn diện và bền vững” phù hợp với điều kiện thực tế của TP.Biên Hòa.

2. Xây dựng hình thức tuyên truyền sinh động đa dạng trên các phương tiện, đặc biệt ứng dụng thành tựu khoa học, nhất là khoa học - công nghệ trong giáo dục, trong trưng bày. Gắn trường học với hoạt động thực tiễn tham quan giáo dục ở di tích, nhà bảo tàng. Xây dựng giáo án giáo trình lịch sử, văn hóa địa phương để giảng dạy trong nhà trường; đưa nghệ thuật dân gian truyền thống vào nhà trường để các em học sinh hiểu và yêu di sản văn hóa truyền thống dân tộc; tổ chức những cuộc thi tìm hiểu một cách thực chất về giá trị di sản địa phương giúp cho người dân hiểu được chân giá trị di sản văn hóa; tăng cường và tạo điều kiện (cả kinh phí, phương tiện) để nghiên cứu, sưu tầm những giá trị văn hóa phi vật thể của các dân tộc trên địa bàn (cả văn hóa, nghệ thuật, tri thức khoa học, xã hội...) và phổ biến những ấn phẩm này rộng rãi...

3. Có chiến lược và quy hoạch trùng tu tôn tạo các di tích có giá trị, gắn kết giữa ngân sách nhà nước với thực hiện “xã hội hóa” huy động các nguồn lực trong xã hội. Liên kết những di tích, di sản lịch sử, văn hóa, những lễ hội để hình thành sản phẩm du lịch có sức thu hút khách tham quan trong và ngoài nước.

4. Xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa, chú trọng công tác đào tạo nguồn lực trong nghiên cứu, quản lý hoạt động trên lĩnh vực văn hóa và di sản... từ khâu quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí và sử dụng.

5. Phát triển kinh tế đi đôi với an sinh xã hội, bảo tồn và phát huy giá trị di sản lịch sử, văn hóa là một trong những mục tiêu phát triển bền vững. Gắn nhiệm vụ quản lý, chỉ đạo thực hiện việc phát triển văn hóa, nghệ thuật

Tuần lễ Văn hóa chào mừng 325 năm hình thành và phát triển Biên Hòa - Đồng Nai (1698-2023) diễn ra vào cuối tháng 12-2023 là dịp quan trọng để toàn Đảng bộ, chính quyền và nhân dân TP.Biên Hòa quán triệt sâu sắc, toàn diện và đồng bộ hơn nữa về yêu cầu phát triển văn hóa TP.Biên Hòa nói riêng và nhân dân tỉnh Đồng Nai nói chung.



Trung tâm Hành chính TP.Biên Hòa

với phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh và xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Chú trọng quản lý, phát huy giá trị nhân văn tích cực của các lễ hội tôn giáo, lễ hội dân gian; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

6. Đẩy mạnh ứng dụng các giải pháp công nghệ số trong công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa, các thiết chế văn hóa; giữ gìn, phát triển các ngành, nghề truyền thống, nhất là các ngành đặc trưng của Biên Hòa (gốm, chế tác đá,...); khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho quần chúng nhân dân tham gia sáng tạo, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, nghệ thuật truyền thống của dân tộc, địa phương.

T.U.B.H

RẠNG RỖ
HÀO KHÍ ĐỒNG NAI

Phát huy nguồn lực văn hóa để phát triển vùng Đông Nam bộ

HUYỀN VĂN TỐI

Về vị thế tự nhiên, ở góc nhìn văn hóa, cố GS Trần Quốc Vượng xác định, Đông Nam bộ là vùng “Địa kinh tế - chính trị - văn hóa” có vai trò quan trọng trong quá trình phát triển của đất nước.

Theo Nghị quyết 53/NQ-TW của Bộ Chính trị khóa IX và Kết luận 27/KL-TW của Bộ Chính trị khóa XI “cần phải huy động tối đa nguồn lực cho phát triển của vùng Đông Nam bộ”.

Mang đậm giá trị lịch sử, văn hóa, xã hội

Trong các nguồn lực được huy động, cần chú ý đến nguồn lực văn hóa. Nguồn lực văn hóa được hiểu là hệ thống các yếu tố văn hóa vật thể và phi vật thể cấu thành sức mạnh trong phát triển. Các nguồn lực ấy có giá trị chung của đất nước và bản sắc của vùng Đông Nam bộ cần được nhận diện đầy đủ và phát huy tối đa.

Gọi là “địa kinh tế” do Đông Nam bộ có địa hình dốc thoải, nổi cao nguyên Di Linh với đồng bằng Nam bộ và duyên hải Nam Trung bộ. Sinh thái đa hệ: núi - đồi - rừng - vườn - sông - biển. Hệ thống sông Đồng Nai dòng chảy nội sinh, nước lành quanh năm đủ cho sinh hoạt cộng đồng và phát triển các khu công nghiệp. Giao thông thuận lợi cả về không - thủy



Giáo dục truyền thống cho học sinh phổ thông

- bộ. Thổ nhưỡng giàu phù sa; khí hậu mưa nắng ôn hòa; tài nguyên mặt nước, lòng đất, đủ cho khai thác, phát triển công nghiệp. Có thể nói, đây là vùng “đất lành”, hội đủ “thiên thời - địa lợi - nhân hòa”, thuận cho phát triển kinh tế, cũng thuận cho giao thương và giao lưu văn hóa.

Đông Nam bộ cũng là vùng “địa chính trị”. Đây là nơi khởi đầu, cũng là trung tâm định cư, tích hợp và tiếp biến văn hóa của lớp cư dân Việt “tiền khai canh” ở Nam bộ. Đông Nam bộ là nơi diễn tập tiền Cách mạng Tháng Tám, khởi đầu Nam bộ kháng chiến, nhiều sự khởi đầu sáng tạo trong kháng chiến chống xâm lược; cũng là nơi có nhiều “bi kịch” trong giải quyết mâu thuẫn giữa phép nước và lòng dân, giữa nếp cũ và đổi mới.

Về mặt “địa văn hóa”, Đông Nam bộ có những đặc điểm đáng lưu ý: Giao thoa văn hóa nhiều nguồn khác nhau; chủ nhân văn hóa do hội nhập, cộng cư từ người tại chỗ - người Việt - người Hoa; thể hiện tính cộng đồng ở 2 loại công xã: công xã buôn làng (vùng núi) và công xã xóm làng (miệt vườn), giao lưu mật thiết với nhau, không xung đột; tính chất mở, làng mở, mở lòng với đặc điểm ứng xử văn hóa hỗn dung, hòa nhập, tích hợp, tiếp biến với nhiều dòng mạch văn hóa; trong phát triển có tính bền vững và cũng nhiều nguy cơ mai một.

Về di sản văn hóa, đây cũng là nguồn lực tài nguyên quý hiếm ở Đông Nam bộ. Theo GS Trần Quốc Vượng, có một nền “cổ văn minh” từng tồn tại và phát triển rực rỡ ở Đông Nam bộ. Nền văn minh cổ ấy có họ hàng với

văn minh Phù Nam - Óc Eo - Chămpa; niên đại từ thời đá cũ; hưng thịnh thời sơ kỳ kim khí có niên đại vài ngàn năm trước với các địa danh: Cầu Sắt, Dốc Chùa, Suối Chồn, Cái Lăng, Cái Vạn, Bưng Bạc, Giồng Phệt...

Các nhà khảo cổ thống nhất cho rằng, có một trung tâm - công trường luyện kim (đồng, sắt) từ vài ngàn năm trước đây không chỉ để sử dụng nội vùng, còn để giao thương với các vùng khác trong không gian rộng lớn hơn.

GS Trần Quốc Vượng đã vẽ sơ đồ giao lưu văn hóa - kinh tế giữa Đông Nam bộ với Tây nguyên, Sa Huỳnh, Tây Nam bộ; không gian văn hóa ở Đông Nam bộ phản ánh cấu trúc: thánh địa Cát Tiên - sông Đồng Nai, thành Biên Hòa - cảng thị Cần Giuộc. Đó là cấu trúc chung của các nền văn cổ Việt Nam: núi (thánh địa) - sông (thành) - biển (cảng thị). Vậy nên, trong quy hoạch phát triển ở Đông Nam bộ hiện nay, cần chú ý tính liên ngành, liên khu vực trong không gian văn hóa rộng lớn hơn địa giới hành chính hiện hành, có cấu trúc tích hợp các thành tố văn hóa xưa và nay, thuộc các vùng miền núi - miệt vườn - miệt biển, của các chủ thể bản địa và người Việt - Kinh, Hoa, Hẹ hội nhập từ thế kỷ XVII.

Hệ thống di sản văn hóa lịch sử cách mạng đa dạng trên địa bàn cũng là nguồn lực quan trọng trong tài sản văn hóa cần kết nối liên vùng của miền Đông gian lao, anh dũng.

Phát huy nguồn lực di sản văn hóa chính là việc nghiên cứu đầy đủ, xác minh khoa học, bảo vệ trường tồn, đánh thức các giá trị đã có trong đời sống hiện tại, hướng đến tương lai, quảng bá hình ảnh của đất nước, thu hút du khách, đóng góp hương sắc vào di sản văn hóa nhân loại.

Gìn giữ giá trị văn hóa

Trong hành trình phát triển, Đông Nam bộ là một trong những trung tâm định cư đầu tiên, cũng là trung tâm văn hóa đầu tiên được người Việt thiết lập ở phương Nam; đơn vị hành chính nhiều lần thay đổi nhưng chỉ thay đổi ở bộ máy cầm quyền; cơ sở kinh tế, văn hóa ở xã, thôn không bị xáo trộn; đời sống văn hóa luôn mang tính liên vùng không bị chia cắt hoặc lệ thuộc vào địa giới hành chính. Chiến sự liên miên tàn phá làm văn hóa cổ truyền biến dạng, đồng thời cũng tiếp biến với văn hóa Âu Tây theo hướng văn minh hóa, kỹ thuật hóa.

Lịch sử hình thành và phát triển Đông Nam bộ tạo ra nguồn lực mang tính quy luật của sự kết tinh và tiếp biến trong phát triển; đó là sự gìn giữ, duy trì, bảo vệ các giá trị cốt lõi, tiếp thu cái mới trong giao lưu văn hóa ngoại vùng, ngoại quốc, dễ hội nhập mà khó xa cội quên nguồn.

Nguồn nhân lực để phát triển văn hóa ở Đông Nam bộ có đặc điểm là đa nguồn cư dân, đa dòng mạch văn hóa.

Quá trình hình thành cộng đồng dân tộc ở Đông Nam bộ thực chất là quá trình hợp cư bởi các đợt di dân qua các thời kỳ. Làng ở Đông Nam bộ là làng khai phá, không khép kín trong lũy tre làng, tổ chức hành chính - xã hội đơn giản, không phân biệt ngụ cư, dễ tiếp nhận thành viên mới và cũng dễ thay đổi cơ cấu.

Chính tính chất hợp cư từ nhiều dân tộc, nhiều đợt di dân với mục đích và lý do khác nhau đã hình thành sắc thái đa nguồn văn hóa của Đông Nam bộ với đặc tính cởi mở, đa hệ, hỗn dung, dễ thâm nhập những nhân tố mới nhưng khó phai mờ những yếu tố cội nguồn.

Các nguồn lực về tài vật ở Đông Nam bộ có ưu thế lớn bởi nơi đây kinh tế phát triển, dễ làm ăn, thu nhập bình quân đầu người tăng nhanh, nguồn thu ngân sách lớn nên nguồn lực tài lực đầu tư từ trong dân cũng như từ ngân sách đều thuận lợi. Vì vậy, phát huy nguồn lực tài vật trong dân, của dân là lợi thế cũng là đặc điểm trong chính sách đầu tư, phát triển.

Về nguồn ngoại lực, cũng vậy, Đông Nam bộ có lợi thế về phát triển kinh tế, ngoại giao, hội nhập nên nguồn ngoại lực dồi dào, đa dạng, phong phú. Nếu khéo huy động sẽ tạo ra động lực mạnh mẽ để phát triển văn hóa văn hóa ở Đông Nam bộ nhanh vượt đến mục tiêu giữ gìn, phát huy bản sắc dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại.

Nguồn lực để phát triển văn hóa ở Đông Nam bộ dồi dào, hội đủ “thiên thời - địa lợi - nhân hòa”, giàu giá trị và tiềm năng, đang có nhiều di sản và lợi thế; giàu bản sắc của vùng Đông Nam bộ với những đặc điểm: khả năng giao lưu, kết tinh văn hóa từ nhiều dòng, nhiều lớp, gìn giữ được yếu tố cốt lõi của cội nguồn, tiếp thu nhanh tinh hoa văn hóa của nhân loại, phóng khoáng trong cư xử, khoan dung, rộng mở trong sinh hoạt xã hội; năng lực ứng xử nhạy bén, dễ thích ứng với cái mới, năng động linh hoạt trong phát triển, áp dụng nhanh tiến bộ kỹ thuật, nhất là trong thời đại kỹ thuật số và cách mạng công nghiệp 4.0.

H.V.T

Với các đặc điểm về “địa kinh tế - chính trị - văn hóa” chính là nguồn lực lợi thế của phát triển vùng Đông Nam bộ, nếu phát huy đầy đủ, hợp lý sẽ là động lực thúc đẩy Đông Nam bộ phát triển nhanh, toàn diện, bền vững, bản sắc.

Chúng ta đang thừa hưởng những gì của cha ông?

BÙI QUANG HUY

Thăm thoát, đã 325 năm kể từ ngày Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh vâng lệnh chúa Nguyễn vào xứ Đồng Nai (địa danh chỉ cả vùng đất Nam bộ ngày nay) chiêu mộ dân xiêu tán, thiết lập bộ máy hành chính ở cõi trời Nam. Từ đó đến nay, bao biến thiên, bao lớp tiền nhân đã đổ mồ hôi và cả xương máu để vun đắp và giữ gìn mà nếu có một phép màu, họ trở về xứ cũ, chắc chẳng thể nào hình dung đây là nơi đôi chân mình đã bám chặt để cương thổ đất Việt muôn thuở vững bền. Còn người đời này, hẳn phải luôn ghi nhớ mình đã và đang hưởng gì từ di sản tổ tông...

Xứ sở lạ lùng

Ban đầu, xứ Đồng Nai chưa ai gọi nơi đất đai màu mỡ. Sách Phủ biên tạp lục của nhà bác học Lê Quý Đôn (1726-1784), khi làm Hiệp trấn tham tán quân cơ trấn phủ Thuận Hóa, đã viết: Đất Đồng Nai, từ cửa biển Cần Giuộc, Soài Rạp, cửa Đại, cửa Tiểu, toàn là vùng rừng rậm hàng mấy nghìn dặm...

Còn trong mắt người dân Việt, Đồng Nai là xứ sở lạ lùng, con chim kêu phải sợ, cá vùng phải kinh (Ca dao). Đây là xứ sở của thiên nhiên hoang dã.

Một tác giả người Pháp (J. Boulbet) đã viết một cuốn sách về vùng Đồng Nai Thượng, ông gọi đây là lãnh thổ của thần linh. Sau này, nhà nghiên cứu uyên thâm Huỳnh Ngọc Trảng, viết Văn bia Biên Hòa - Đồng Nai 300 năm, đã khái quát: Rừng hoang chờ đợi mỗi mòn một áng khói lam chiều từ bếp ấm; sông xanh khao khát một tiếng chèo khua/ Cọp, sấu thét gầm: muông thú chưa người cai quản/ Mặt đất âm u: không kẻ vạch lá bẻ gai.

Những dòng chữ ấy đã được khắc vào bia đá để người đời sau ghi nhớ. Bởi không lâu sau đó, bao lớp tiền nhân, từ việc Lễ Thành hầu chiêu mộ dân xiêu tán từ Quảng Bình trở vào cho đến ở, chia đất thôn ấp, rồi không chỉ khuyến khích mà còn đưa người Thanh (người Minh Hương) trú ngụ cũng biên vào sổ hộ, xứ Đồng Nai dần khai phá.

Đến đầu thế kỷ XVIII, tức sau đó trên dưới 100 năm, cảnh tình nơi đây đã khác hẳn: Người giàu ở các địa phương hoặc 40, 50 nhà, hoặc 20, 30 nhà, mỗi nhà điền nô hoặc đến 50, 60 người, trâu bò hoặc đến 300, 400 con, cày bừa, cấy gặt, rộn ràng không rồi, hàng năm đến tháng 11, tháng 12, thường giã thành gạo, bán lấy tiền để ăn tết chạp (...) Từ cửa biển đến đầu nguồn đi 6, 7 ngày, hết thấy là đồng ruộng, nhìn bát ngát, ruộng phẳng như thế đấy, rất hợp trồng lúa, lúa nếp tẻ, gạo đều trắng dẻo... (Phủ biên tạp lục).

Chưa đến 100 năm nữa, xứ Đồng Nai có cù lao Phố trở thành Nông Nại Đại Phố: ...phố xá, mái ngói tường vôi, lầu cao quán rộng, dọc theo bờ sông liền lạc tới 5 dặm, chia vạch ra ba đường phố lớn lát gạch xanh, đường rộng bằng phẳng; ghe thuyền lớn ở biển và ở sông đều đến đậu neo, có những xà lan liên tiếp nhau. Ấy là một chỗ đô hội, nhà buôn bán to lớn duy ở đây là



Ảnh: LÂM CÓN

Cầu Hiệp Hòa nối P.Thống Nhất với P.Hiệp Hòa, TP.Biên Hòa

nhiều hơn (Trịnh Hoài Đức, Gia Định thành thông chí).

Từ chỗ con chim kêu phải sợ, có cá vùng phải kinh, đến nơi đô hội quả là sự biến đổi nhảy vọt. Sử sách xưa còn chép, ngay ở vùng đất này, việc giao thương không chỉ trong nước, tàu buôn đến/đi nước ngoài tụ tập đông đảo, không riêng người Tàu, người Nhật Bản mà cả Tây Dương, Đồ Bà... cũng đến.

Rộng hơn, Đồng Nai trở thành xứ sở của gạo trắng nước trong có thể khiến người ta bỏ cha bỏ mẹ xuống đò theo anh.

325 năm qua, sức hút của xứ sở lạ lùng vẫn thế. Bằng chứng dễ thấy nhất là trên 30 tộc người của cộng đồng quốc gia - dân tộc Việt Nam đã có mặt ở Đồng Nai. Đó là chưa kể, từ thời mở cửa, riêng tỉnh Đồng Nai (một phần rất nhỏ của đất Đồng Nai xưa) có tới hơn 40 quốc gia, vùng lãnh thổ có quan hệ về kinh tế!

Từ mở đất đến mở lòng...

Sức hút hay tính mở của Biên Hòa - Đồng Nai và cả vùng Nam bộ về không gian địa - kinh tế hẳn song hành với tính mở về địa - văn hóa, mở lòng người. Không mở lòng chắc Đồng Nai vẫn là xứ đất rộng người thưa.

GS-TSKH Trần Ngọc Thêm đúc kết khá công phu về 5 đặc trưng của văn hóa Nam bộ (chủ yếu là Tây Nam bộ): tính sông nước, tính bao dung, tính năng động, tính trọng nghĩa, tính thiết thực. Tôi thích sự uyên áo của Trịnh Hoài Đức tiên sinh, người có lúc giữ chức Thượng thư bộ Lễ lẫn bộ Lại, kiêm quản cả Khâm Thiên giám triều Nguyễn:

Phương Nam thuộc quẻ Ly, hành Hỏa, thiên về hào văn minh, nên kẻ sĩ chuộng điều tiết nghĩa, tôn trọng lý học, dân thì chuyên nghề cày ruộng, dệt cửi, làm thợ, đi buôn...

Gia Định (Nam bộ) ở về phương Nam, vị trí Dương Minh (quang minh, sáng chói), người đủ tính trung dũng khí tiết, trọng nghĩa khinh tài, dẫu phụ nữ cũng thế...

Riêng trấn Biên Hòa (vùng đất tương ứng với nhiều tỉnh miền Đông ngày nay), Trịnh Hoài Đức viết thêm:

Núi đẹp, sông trong, phong tục thuần hậu, công việc giản dị, kẻ sĩ chuộng thi thư, dân siêng năng cày cấy, dệt cửi...

Sau này, Quốc sử quán triều Nguyễn, khi biên soạn Đại Nam nhất thống chí, cũng nhận xét không khác gì mấy. Nhưng tôi thật sự thích thú với một bản đúc kết khác về người Đồng Nai - Nam bộ xưa:

*Mở đất tạo cho quốc gia
cường vực; mở lòng tạo nên
hình hài của nước. Theo ngôn
ngữ thời nay, hình hài đó chính
là văn hóa. Bao lớp tiền nhân
đã để lại cho đời sau không
chỉ núi sông bờ cõi mà cả vóc
dáng, điệu hồn dân tộc.*

Rồng châu ngoài Huế/ Ngựa tể Đồng
Nai

Nước sông trong đổ lộn sông ngoài/
Thương người xa xứ lạc loài đến đây.

Gọi đây là bản đúc kết vì đã giới
thiệu con người Nam bộ một cách sâu
sắc, người nhất.

Trong văn hóa phương Đông, rồng,
tuy là con vật tưởng tượng, đứng đầu tứ
linh, biểu tượng cho vua, cho những gì
cao quý nhất. Châu còn có nghia là hầu,

hướng vào một cái khác được coi là trung tâm. Với những lưu dân, lớp trước,
lớp sau, phần lớn là người nghèo, đã rời quê hương bản quán vào vùng đất
mới, con vật sang trọng, cao quý kia nhưng lại mang thân phận phụng tòng,
ở yên một chỗ. Còn ngựa, loài thú để cưỡi, để kéo xe, phụng tằm thương. Chỉ
khác, ngựa này không ở trong cung vua, phủ chúa chốn kinh kỳ. Nó đang
phi nước đại (tể), bốn vó tung lên khỏi mặt đất. Hóa ra, con vật bình thường
lại được tự do, không hề bị trói buộc. Đó là hình ảnh những lưu dân đi mở
đất, tự do, tự tại, thỏa chí kiếm tìm những gì mình ưa thích, mong muốn. Nói
vậy có suy diễn quá không? Đợt di dân lớn đầu tiên vào xứ Đồng Nai năm
1679 của Trần Thượng Xuyên với hơn 3 ngàn người từ Quảng Đông (Trung
Quốc) không phải tuyệt đại đa số là những người bất hòa với triều đình nhà
Thanh là gì! Rồi biết bao người bỏ cha, bỏ mẹ hàng trăm năm sau. Họ đến
xứ Đồng Nai, đâu chỉ vì gạo trắng nước trong! Và, không riêng dân nghèo.
Bao anh hùng, hào kiệt, lẫm tài tử, giai nhân còn lưu dấu trong sử sách, văn
chương Đàng Trong! Không cởi mở, không phóng khoáng hẳn không dung
hợp được người phương xa.

Trở lại với câu hát xưa. Câu trước vẽ nên một thực tế thủy văn: vùng
nước lợ, ở ngã ba sông, như Cần Giuộc, nơi nước ngọt và nước biển hòa vào
nhau làm một. Câu sau giải bày một hình thái: người xa xứ đến như nước
lạ lẫn vào nước có sẵn của dòng sông. Biết bao tình, biết bao nghĩa ở hai từ
xa xứ, lạc loài. Đã xa xứ làm sao tránh khỏi lạc loài. Trước đây, mình cũng
từng là dân xa xứ, lạc loài. Bây giờ, có người xa xứ mới, hãy đùm bọc, chở
che, hãy thương lấy họ! Triết lý của những lưu dân đơn giản mà sâu sắc,
một cách người vậy đó.

Ở P.Trung Dũng, TP.Biên Hòa ngày nay còn lảng mộ nhà thơ Trịnh

Hoài Đức (1765-1825). Ông xuất thân từ gia đình khoa bảng ở tỉnh Phúc Kiến. Cụ tổ xa đời làm đến chức Thượng thư bộ Binh. Đến đời ông nội, gặp lúc nhà Thanh lấy Trung Quốc nên chạy sang nước Nam, lúc đầu ở Phú Xuân, sau chuyển vào xã Thanh Hà, huyện Bình An, phủ Phước Long, trấn Biên Hòa. Sau này Trịnh Hoài Đức trở thành người Nam bộ giữ chức quan to nhất triều Nguyễn. Đặc biệt, ông đứng đầu Gia Định tam gia, là nhà thơ, nhà văn hóa lớn nhất đất phương Nam. Là người Hoa, nhưng khi làm Chánh sứ đầu tiên của triều Nguyễn sang Trung Quốc (quốc hiệu Việt Nam được thừa nhận trong chuyến đi này), Trịnh Hoài Đức dang dặc nỗi nhớ cố quốc. Như vậy, cả hành trạng lẫn tâm hồn con người tài hoa, kinh lịch chất ngất ấy đều thuộc về một quê hương, một xứ sở. Quê hương, xứ sở ấy chính là nơi ông đã sinh ra, lớn lên và ra sức tô vẽ cho nó.

Không có sự mở lòng, phóng khoáng làm sao đất Biên Hòa - Nam bộ dung nạp được những con người như: Trịnh Hoài Đức, Ngô Nhơn Tịnh, Lê Quang Định... hồi xa xưa và gần hơn là những: Nguyễn Bình, Phan Đình Công, Bùi Thiện Ngô, Phạm Xuân Ẩn...?

Không có tình thương, sự đùm bọc, sẻ chia, làm sao có hàng vạn, rồi hàng triệu lưu dân đã cùng đổ mồ hôi, cùng sôi giọt máu để khẩn hoang, lập ấp và gìn giữ xóm, làng của xứ sở lạ lùng mà đến mùa Xuân này đã là 325 năm mang dáng hình vững chãi trên bản đồ nước Việt?

B.Q.H

Phát huy những giá trị của văn hóa Nam bộ hôm nay

VŨ TRUNG KIÊN

Nhà nghiên cứu Bùi Quang Huy có lần nói với tôi rằng muốn tìm về văn hóa gốc của người Việt hãy đi tới những nơi có đông người Bắc di cư, bởi những nơi ấy còn giữ được những nét đẹp của văn hóa truyền thống. Văn hóa sinh ra để phục vụ con người nên mỗi giai đoạn lịch sử khác nhau thì các biểu hiện của văn hóa cũng khác nhau. Thế nhưng, vẫn còn đó những giá trị văn hóa Việt còn mãi giá trị với thời gian và rất cần được vun trồng, chăm bón.

1. Tâm lý chung của người Việt là dù đi đâu cũng luôn nhớ về tổ tiên và cội nguồn da diết, vì vậy nên luôn ráng giữ gìn những nét văn hóa truyền thống. Người Việt đặt chân lên vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai tính đến mùa xuân này là tròn 325 năm. 325 năm đó là cái mốc hành chính còn trong thực tế người Việt đã đặt chân đến vùng đất này từ rất sớm.

Trong bộ phim Hà Nội trong mắt ai ra đời đầu những năm tám mươi của thế kỷ trước, đạo diễn Trần Văn Thủy đã đưa vào bộ phim đoạn lời thoại mở đầu: “Giữa thế kỷ XX này, có một người dân ở đồng bằng sông Cửu Long thương nhớ Hà Nội đã viết: “Từ thuở cầm gươm đi mở nước/

Ngàn năm thương nhớ đất Thăng Long” (Từ độ mang gương đi mở cõi/
Trời Nam thương nhớ đất Thăng Long (Nhớ Bắc - Huỳnh Văn Nghệ).

Gần đây có ý kiến đề nghị bỏ Tết cổ truyền dân tộc cho giống Nhật Bản và để hội nhập sâu rộng. Đúng là ở Việt Nam hiện nay đã xuất hiện tình trạng “phú quý sinh lễ nghĩa” nên lễ tết có phần trở nên nặng nề với những hình thức rườm rà. Có lẽ vì vậy mà đâu đó ta vẫn thấy các ý kiến về bỏ Tết cổ truyền nhận được không ít đồng tình. Thế nhưng nếu bình tâm suy xét có lẽ với người Việt bỏ Tết cổ truyền là sẽ bỏ những giá trị văn hóa vô cùng quý giá và cho dù sau này có trở nên cường thịnh cũng khó tìm lại.

Thời gian trước, ở Đồng Nai có ý tưởng “dời đô” về Long Thành nhưng rồi vì nhiều lý do mà ý tưởng ấy đã dừng lại. Ở TP.HCM cũng đã có lúc rộ lên các ý kiến đề nghị “dời đô” về Củ Chi với lý do đất đai còn thoáng rộng. Đừng nói Củ Chi mà ngay trụ sở UBND TP.HCM ở Q.1 hiện chỉ cách Thủ Thiêm một cây cầu mấy trăm thước, song để “dời đô” từ nơi chốn hiện nay sang Thủ Thiêm là cả vấn đề. Người ta có thể dễ dàng dịch chuyển cơ sở sản xuất, kinh doanh, trường học, bệnh viện... nhưng trung tâm hành chính không dễ để di dời. Trung tâm hành chính phải được đặt trên nền của một vùng đất có bề dày và chiều sâu văn hóa, nó phải được nâng đỡ bằng chính sức mạnh tinh thần của tiền nhân, của lịch sử...

Trong bài thơ Lên lão của Nguyễn Khuyến có câu “Xôi bánh, trâu



Ảnh: VINH HUY

Lễ hội Kỳ yên đình Tân Lâm, TP.Biên Hòa năm 2023

HEO cũng gọi là”. Hóa ra người Việt xưa ở miền Bắc cũng đã từng gọi con lợn là con heo. Có thể heo là tiếng địa phương, lợn là từ thông dụng. Người dân Nam bộ nếu ai là người Việt đều có gốc từ miền Bắc, miền Trung, tất nhiên miền Trung cũng từ miền Bắc vào. Có lẽ gọi lợn là con heo đã theo chân những lưu dân Việt đi dần về phương Nam để rồi nó trở thành tiếng gọi thông dụng. Vậy nên người miền Bắc gọi con lợn nhưng lại “nói toạc móng heo”, người miền Nam gọi “con heo” mà lại có “bánh da lợn”. Chẳng phải tất cả người Việt đều cùng một gốc sinh ra, vậy nên người Việt mới gọi nhau bằng 2 chữ “đồng bào”.

Theo thời gian, có những nét đẹp văn hóa của người Việt nói chung, người Nam bộ nói riêng đang dần bị mai một.

2. Gần đây, không hiểu vì lý do gì mà hiện tượng kỳ thị Bắc - Nam có vẻ ngày càng thịnh. Cứ mở mạng lên, nhất là vào một số trang Facebook là tràn ngập những bình luận kỳ thị Bắc - Nam với những lời lẽ cực đoan.

Rất nhiều các bình luận trên mạng viết rằng người Bắc khách sáo. Đúng là người Bắc khách sáo, bởi cuộc sống đã điều chỉnh họ phải như vậy. Triết học duy vật khẳng định tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội. Văn hóa miền Bắc, nhất là Bắc xưa là văn hóa chịu ảnh hưởng sâu sắc từ Nho giáo. Lễ giáo nho phong với rất nhiều những quy định rườm rà, chặt chẽ. Người Việt xưa ở miền Bắc trong một không gian làng xã khép kín với chằng chịt những mối quan hệ. Trong một không gian khép kín với “cây đa, bến nước, sân đình” như vậy thì dù có giận nhau đến bao nhiêu mỗi ngày cũng đều chạm mặt nhau. Chạm mặt nhau không lẽ không chào nhau một tiếng thì thật khó coi. Nam bộ, đồng ruộng mênh mông, nhà nọ cách nhà kia có khi cả hàng cây số nên nếu “nhìn mặt khó ưa” là khỏi chơi. Có tuyên bố từ mặt nhau cũng ít có cơ hội gặp nhau lắm. Có lẽ vì vậy mà người Nam bộ hiếu khách bởi thiên nhiên ưu đãi, cái gì cũng có: tôm cá đầy sông rạch, gạo thóc đầy bồ, thậm chí có cả lúa trời chỉ việc gặt về, rau trái ê hề và chỉ thiếu mỗi... bạn nhậu. Vì được thiên nhiên ưu đãi nên lòng người rộng rãi, một chực của đồng bào Nam bộ không phải 10 mà là 12, 14, thậm chí 16. Thì đó, một sào Bắc bộ chỉ có 360m², sào Trung Bộ đã lên 500m², còn sào Nam Bộ ư... 1.000m².

3. Vì điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt nên miền Bắc, miền Trung luôn phải đối mặt với nạn đói. Nạn đói thảm khốc cuối năm 1944 đầu năm 1945 do thực dân Pháp và phát xít Nhật gây ra đã cướp đi mạng sống của hàng triệu đồng bào Việt Nam khi ấy. Tất cả những đồng bào chết đói thảm khốc năm ấy đều từ Quảng Trị trở ra, miền Nam khi ấy lúa gạo vẫn ê hề, chỉ là máy bay đồng minh (Mỹ) bắn phá và đường tiếp vận bị hỏng nên không thể vận chuyển lương thực ra Bắc.

Thành ngữ Việt Nam có câu “No 3 ngày Tết, đói 3 tháng hè”. Cả năm làm chỉ trông chờ cho 3 ngày Tết được sung túc một chút. Không chỉ 3 tháng hè mà những tháng giáp hạt như tháng 3, tháng 4 âm lịch cũng là khoảng thời gian dài lê thê đối với những gia đình... thiếu đói. Vậy nên, người miền Bắc nếu gặp nhau thường bắt đầu bằng việc hỏi... ăn cơm.

Tính cách người Nam bộ đơn giản, ngắn gọn, rõ ràng, rành mạch, dứt khoát. Vậy nên thường người Nam bộ họp hành, giao tiếp, nói năng chậm rãi, khúc chiết, ngắn gọn, có gì nói ngay, tức nói thẳng, không có kiểu “vòng vo Tam Quốc”.

Vì đơn giản nên người Nam bộ dễ chấp nhận cái mới, những khác biệt trong suy nghĩ và hành động. Trong tư duy của người Nam bộ ít có chuyện “Ta về ta tắm ao ta/ Dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn”. Dù miền Bắc, miền Trung cũng có những tư duy đổi mới song nó khó có thể trở thành một xu thế, một trào lưu như ở Nam bộ. Đó là lý do mà nhiều phong trào đổi mới đất nước đã đi ra từ vùng đất phương Nam. Trong số 16 tôn giáo được Nhà nước công nhận hiện nay, trừ các tôn giáo ở nước ngoài truyền vào Việt Nam, còn tất cả các tôn giáo nội sinh đều ra đời ở vùng đất Nam bộ.

Ở đời, cứ đất đai chật chội ắt sẽ kéo theo lòng người cũng sẽ chật hẹp theo. Thế nhưng, sau bao nhiêu năm, suốt nhiều thế hệ, người Việt đã gieo những hạt mầm văn hóa tốt đẹp trên vùng đất phương Nam, hãy tiếp tục bền bỉ giữ gìn nó, đánh thức nó, phát huy, tôn vinh và lan tỏa những nét đẹp văn hóa của vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai, văn hóa của vùng đất Nam bộ để góp phần làm giàu cho văn hóa Việt Nam.

V.T.K

Đồng Nai từ khai phá đến hội nhập 4.0

NGUYỄN THỊ NGUYỆT

Đồng Nai là nơi tiếp nhận nhiều đợt dân cư từ các vùng miền trên cả nước đến lập nghiệp. Do đó, cư dân Đồng Nai vừa bảo tồn văn hóa truyền thống, vừa tiếp nhận văn hóa mới góp phần làm cho diện mạo văn hóa xã hội Đồng Nai luôn dồi dào và giàu bản sắc ở miền Đông Nam bộ thời hội nhập.

Giá trị văn hóa xã hội Đồng Nai hơn 3 thế kỷ

Dân cư Đồng Nai gồm nhiều dân tộc Kinh, Hoa, Chăm, Khmer, Chơro, Mạ, S'tiêng, Cồho, Mường, Tày, Nùng, Thái, Dao... Các thành phần dân cư bao gồm dân tộc bản địa, sinh sống tại chỗ lâu đời và những dân tộc di cư đến Đồng Nai từ thế kỷ XVII đến nay. Tính từ mốc khai phá thế kỷ XVII, nhiều lớp dân cư tiếp tục đến Đồng Nai và các địa bàn thuộc Nam bộ. Những thành phần dân cư ở Đồng Nai đã cùng nhau tổ chức xã hội, hoạt động phát triển kinh tế, thực hành nếp sống văn hóa... tạo nên đời sống kinh tế - văn hóa - xã hội đặc trưng vùng Đông Nam bộ.

Đời sống văn hóa xã hội ở Đồng Nai rất phong phú, tiêu biểu với sinh hoạt vật chất và tinh thần như: hình thành các làng dân cư dọc theo lưu vực sông Đồng Nai, nhất là khu vực cù lao Phố. Thương cảng cù lao Phố phát triển từ thế kỷ XVII-XVIII là vùng đất chứa đựng nhiều giá trị di sản văn hóa cả vật thể và phi vật thể. Đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh,



chùa Đại Giác, chùa Bửu Phong, chùa Long Thiên, chùa Ông là những di sản văn hóa vật thể gắn với thời khai phá. Các lễ hội, đình làng cũng rất phong phú góp phần lưu giữ nhiều giá trị về phong tục, tập quán, tín ngưỡng, lễ hội của các tầng lớp cư dân xưa.

Đồng bào bản địa văn hóa đặc trưng với nhà sàn, nhà dài, công chiêng, cơm lam, rượu cần, canh bồi, canh thụt, bánh dày mè đen, lễ hội Sa Yang Va, Yang Koi, Yang Bri, nghề dệt thổ cẩm... thể hiện giá trị văn hóa bản địa vùng Đông Nam bộ.

Nơi nào có người Khmer sống tập trung nơi đó có chùa Phật giáo Nam tông như Hoa Sơn tự, chùa Thái Hòa nổi bật bởi mỹ thuật trang trí chùa Khmer và những giá trị văn hóa qua các lễ hội.

Nhiều sưu tập hiện vật được phát hiện và lưu giữ tại bảo tàng địa phương thể hiện sự giao lưu văn hóa với Trung Hoa (đồ gốm) và Nhật Bản (gương đồng thời Edo thế kỷ XVIII). Những công cụ sản xuất (cày, cuốc, liềm, hái, chà gạt) phù hợp với địa hình đồi núi thấp đến đồng bằng lưu vực sông Đồng Nai và vùng ngập mặn cận biển. Cư dân vùng cận biển (Long Thành, Nhơn Trạch) duy trì đời sống gắn bó với sông nước...

Đời sống văn hóa xã hội Đồng Nai thời hội nhập và công nghệ 4.0

Trải qua 325 năm lịch sử khai phá vùng đất Đồng Nai, đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội cư dân Đồng Nai đã có nhiều biến đổi. Kinh tế nông nghiệp chuyển sang kinh tế công nghiệp, một bộ phận cơ bản nông dân Đồng Nai trở thành công nhân với nếp sống công nghiệp hiện đại. Vùng

đất Biên Hòa - Đồng Nai cũng là một trong những địa phương hình thành nền công nghiệp khá sớm từ giữa thế kỷ XX.

Bước vào thời đại kinh tế hội nhập toàn cầu, đời sống xã hội chuyển đổi từ xã hội nông nghiệp sang công nghiệp và đô thị hóa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, vì vậy văn hóa cũng đã có sự biến đổi. Những thói quen hình thành từ nền kinh tế nông nghiệp cổ truyền giờ không còn phù hợp với kinh tế công nghiệp, đặc biệt là trong thời đại công nghệ thông tin. Xã hội cổ truyền chuyển sang thích nghi nhịp sống số, đời sống số hiện đại. Cư dân các đô thị ở Đồng Nai (nhất là khu vực Biên Hòa) có thói quen đi ăn sáng, uống cà phê ngoài tiệm/quán thay cho thói quen tự nấu, chế biến và ăn uống tại nhà.

Đồng bào dân tộc thiểu số thay đổi phong tục từ mặc trang phục hiện đại đến ngôn ngữ (thường xuyên sử dụng tiếng Việt, bổ sung ngoại ngữ ảnh hưởng bởi du lịch). Nhiều phong tục, tập quán của cư dân kể cả người Kinh và các tộc người thiểu số đều thay đổi nhằm thích nghi với nhịp sống hiện đại. Du lịch cũng có tác động tích cực tạo nên công ăn việc làm cho đồng bào vùng nông thôn và dân tộc thiểu số, khôi phục nghề truyền thống, tạo nên sản phẩm du lịch cho du khách đến địa phương.

Thời công nghệ 4.0, nhiều nghề mới ra đời và phát triển. Nhu cầu hưởng thụ văn hóa và giải trí cũng cao hơn và tiện nghi hơn, cư dân sử dụng thành thạo điện thoại, biết truy cập nhiều ứng dụng trên điện thoại thông minh, phục vụ giao tiếp truyền thông cũng như dùng cho học hành, làm việc. Nông dân Đồng Nai biết ứng dụng công nghệ trong lao động sản xuất, hệ thống tưới tiêu, chăn nuôi heo, gà; trồng cây, nhân giống theo kỹ thuật hiện đại...

Đồng Nai cũng là một trong những địa phương hoàn thành Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Làng xóm vùng

Bước vào thời đại kinh tế hội nhập toàn cầu, đời sống xã hội chuyển đổi từ xã hội nông nghiệp sang công nghiệp và đô thị hóa, công nghiệp hóa - hiện đại hóa, vì vậy văn hóa cũng đã có sự biến đổi. Văn hóa Đồng Nai thể hiện qua kho tàng văn hóa vật thể và phi vật thể đa dạng với kiến trúc nhà ở dân gian, trang phục truyền thống, tín ngưỡng tôn giáo, phong tục tập quán, văn học, âm nhạc, nghệ thuật...

nông thôn được đầu tư cơ sở vật chất nhờ hiệu quả của chương trình, hội nhập và phát huy lối sống văn minh hiện đại... Nhiều thiết chế văn hóa được đầu tư xây dựng mới và đầy đủ các trang thiết bị phục vụ cho nhu cầu vui chơi giải trí của người dân. Cư dân nhiều nơi ở Đồng Nai đã có thói quen tập trung tại nhà văn hóa ấp, khu phố, phường, xã tập thể dục hoặc tham gia tập huấn các chương trình phục vụ cộng đồng.

Vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai là cửa ngõ vùng Đông Nam bộ, là đầu mối giao thông Bắc - Nam, kinh tế - xã hội phát triển cũng dẫn đến văn hóa biến đổi. Giao lưu văn hóa trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội như: kiến trúc, nghệ thuật, lễ hội, ẩm thực... Người dân có nhu cầu đi du lịch nhiều nơi trên thế giới nhằm thụ hưởng các giá trị di sản.

Tròn 325 năm hình thành và phát triển, đến nay vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai ngày càng phát triển về giao thông, kinh tế, văn hóa, xã hội. Đồng Nai vẫn luôn là một trong những địa phương phát triển kinh tế cao nhất nước.

Đồng Nai đang triển khai dự án xây dựng cảng hàng không quốc tế Long Thành kết nối trong nước và quốc tế. Ba thế kỷ cộng với một phần tư thế kỷ đã đưa Đồng Nai hiện nay có nhiều điều kiện để phát triển kinh tế thời hội nhập, nhiều doanh nghiệp nước ngoài thuê đất làm ăn lâu dài tại đây.

N.T.N

Trời Nam thương nhớ đất Thăng Long

VÚ TRUNG KIÊN

Trong bộ phim Hà Nội trong mắt ai của đạo diễn Trần Văn Thủy có đoạn lời bình: “Giữa thế kỷ XX này, có một người dân ở đồng bằng sông Cửu Long thương nhớ Hà Nội đã viết: Từ độ mang gươm đi mở cõi/ Trời Nam thương nhớ đất Thăng Long (có chỉnh sửa vài chỗ lời bình này để phù hợp với lời thơ).

Đó là 2 câu thơ nổi tiếng trong bài thơ Nhớ Bắc của một người con đất phương Nam là Huỳnh Văn Nghệ. Cả bài thơ là nỗi niềm nhung nhớ cội nguồn, tổ tiên da diết của những người con đất phương Nam.

Cuộc thiên di tìm về vùng đất mới ở phương Nam

Truyền thuyết Rồng - Tiên về nguồn gốc của dân tộc Việt đã ghi rõ, xưa cháu 3 đời của Viêm Đế họ Thần Nông là Đế Minh đi tuần phương Nam, đến Ngũ Lĩnh lấy con gái Vụ Tiên, sinh ra vua (Kinh Dương Vương). Kinh Dương Vương lấy con gái Động Đình Quân tên là Thần Long sinh ra Sùng Lãm (tức Lạc Long Quân). Lạc Long Quân lấy con gái của Đế Lai là Âu Cơ, sinh ra trăm con trai (tục truyền sinh trăm trứng), là tổ của Bách Việt.

Một hôm, vua bảo Âu Cơ rằng: “Ta là giống rồng, nàng là giống tiên, thủy hỏa khắc nhau, chung hợp thật khó”. Bèn từ biệt nhau, chia 50 con theo mẹ về núi, 50 con theo cha về biển, phong cho con trưởng làm

Hùng Vương, nối ngôi vua. Xin đừng đem hệ quy chiếu hôm nay để mổ xẻ về huyền sử, bởi huyền sử không phải lịch sử, huyền sử là... huyền sử. Huyền sử không thể dùng cái đầu để giải thích mà phải dùng trái tim, bởi cái gì từ trái tim sẽ dễ dàng đi tới trái tim.

Nhìn lên phía Bắc, người Việt bắt gặp một dân tộc lớn với nền văn minh Hoa Hạ và mộng bá quyền. Nhìn sang phía Tây là dãy núi cao sừng sững. Nhìn về phía Đông là Biển Đông bao la, có lẽ vì vậy mà cha ông chúng ta chỉ còn con đường duy nhất đi về phía Nam.

Đầu tiên phải kể tới là chuyến thăm Chiêm Thành năm 1301 của Thượng hoàng Trần Nhân Tông. Hơn 700 năm trước, đức Trần Nhân Tông hẳn nhiên đã dõi con mắt nhìn về phương Nam xa xăm để nghĩ kế cho muôn đời con cháu mai sau. Thuở xưa, khi luật pháp quốc tế chưa định hình, việc mở rộng lãnh thổ thường chủ yếu được tiến hành bằng chiến tranh xâm chiếm, đồng hóa và sáp nhập, thế nhưng vẫn có những con đường khác khả dĩ hòa bình hơn, hôn nhân chính trị là một trong những con đường đó.

Từ lời hứa của Thượng hoàng Trần Nhân Tông với vua Chiêm Thành



Xem văn bia tại Văn miếu Trấn Biên

*Lịch sử đã xoay một vòng
để những dân tộc bản địa và
nhiều dân tộc khác cùng cộng
cư trên vùng đất này...*

nên năm 1306, Huyền Trân công chúa về làm vợ vua Chế Mân, nước Đại Việt có thêm không gian sinh tồn là 2 châu Ô, châu Rý (còn gọi là Lý) - vùng đất từ phía Nam Quảng Trị đến phía Bắc Đà Nẵng hiện nay.

Sau Huyền Trân công chúa hơn 300 năm, một nữ lưu nước Việt lại lên đường về làm dâu Chân Lạp, đó là Công nữ Ngọc Vạn, con gái của chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên (1563-1635). Cùng bước chân của Công nữ Ngọc Vạn, nhiều lưu dân Việt theo chân bà vào khai khẩn vùng đất mới vốn còn nhiều hoang hóa. Năm 1679, chúa Nguyễn thỏa thuận với vua Chân Lạp cho nhóm di thần “Phản Thanh, phục Minh” vào khai khẩn vùng đất ngày nay là Nam bộ. Cùng với người Khmer và các dân tộc bản địa trước đó, người Việt và bây giờ là người Hoa đã chung lưng đấu cật, tạo nên một vùng đất trù phú với những thương cảng sầm uất: cù lao Phố, Mỹ Tho đại phố...

Nhà văn Sơn Nam, một người được mệnh danh là “ông già Nam bộ” từng viết đại ý rằng người Việt trong cuộc thiên di tìm về vùng đất mới ở phương Nam trong khoảng thời gian dài như vậy nên những gì rườm rà vứt bớt nó đi. Nếu tính từ chuyến đi đầu tiên của đức Thượng hoàng Trần Nhân Tông năm 1301 đến mùa xuân năm Mậu Dần (1698) khi Nguyễn Hữu Cảnh vâng mệnh chúa Nguyễn Phúc Chu thiết lập nền hành chính ở Nam bộ là khoảng gần 400 năm, nếu tính từ mốc năm 1301-1775 (khi bản đồ Việt Nam cơ bản như hiện trạng hiện nay) là gần 500 năm. Vậy nên người Nam bộ nói chung có tính cách dứt khoát, ngắn gọn.

Các lớp cha ông để lại cho con cháu vùng đất trù phú

Mỗi người khi xa quê hương bản quán, điều đầu tiên có lẽ là nỗi nhớ da diết. Có phải vậy không mà vào tới Thuận Hóa (nay là tỉnh Thừa Thiên - Huế), đã bắt đầu buồn với những âm điệu man mác buồn của Nam Ai, Nam Bình. Vào đến Tây Nam bộ, càng xa, càng nhớ, càng buồn nên mới có vọng cổ với những điệu buồn phương Nam. Bởi buồn như vậy, nên chẳng may có người thân nằm xuống lại càng buồn hơn, có phải vì vậy mà nhiều đám tang ở miền Nam không khóc mà... hát để đỡ thê lương.

Tới vùng đất mà “Đến đây xứ sở lạ lùng/ Chim kêu phải sợ, cá vùng

phải lo” hay đến một vùng đất “Dưới sông sáu lội, trên bờ cạp um” nên những người Việt phải đoàn kết với nhau để chống chọi lại sự khắc nghiệt của thiên nhiên, chống thú dữ. Có lẽ cũng chính vì vậy mà những người đến trước bao giờ cũng dang rộng vòng tay chào đón và cứu mang những người đến sau: “Rồng châu ngoài Huế/ Ngựa tể Đồng Nai/ Nước sông trong chảy lộn sông ngoài/ Thương người xa xứ lạc loài tới đây/ Tới đây thì ở lại đây/ Khi nào bén rễ xanh cây thì về” (ca dao).

Ở cái thuở mà “nhất cận thị, nhị cận giang” mà “thị” chắc chắn phải gần “giang”, bởi khi ấy giao thông chủ yếu bằng đường thủy, những lưu dân đến trước đã làm những bè lá thả nước ngọt trên sông để cho những người qua lại có nước ngọt uống và chúng ta có địa danh Nhà Bè hiện nay: “Nhà Bè nước chảy chia hai/ Ai về Gia định Đồng Nai thì về”.

Bây giờ, ở hầu khắp các đô thị của các tỉnh, thành miền Nam, nhất là TP.HCM chúng ta không khó để bắt gặp những thùng trà đá khiêm nhường nép mình bên những gốc cây với lời mời mọi người uống nước miễn phí vô cùng dễ thương, đó là sự tiếp nối mạch nguồn văn hóa cha ông từ thuở trước.

Nam Kỳ vốn là một tên gọi vùng đất do vua Minh Mạng đặt ra năm 1834 sau cuộc cải cách về hành chính. Tên gọi này lúc ban đầu chỉ để giới hạn về địa danh trong một lãnh thổ thống nhất của nước Đại Nam. Thế nhưng khi đô hộ Việt Nam, thực dân Pháp, một mặt kế thừa tên gọi này, một mặt khoét sâu mối bất hòa, nghi kỵ giữa các vùng miền để họ dễ bề cai trị. Có lần, khi bắt được Huỳnh Văn Nghệ, một người Pháp đã hỏi ông: Ông là người Bắc? Huỳnh Văn Nghệ đã trả lời: Vâng! Tôi là người Bắc của ba trăm năm trước!

Dưới bàn tay và khối óc lao động suốt nhiều thế kỷ, các lớp cha ông đã khai khẩn, xây dựng và để lại cho con cháu một vùng đất trù phú hôm nay. Để xứng đáng với tiền nhân, với sự hy sinh to lớn của các bậc “tiền hiền khai khẩn”, “hậu hiền khai cơ” lớp con cháu hôm nay cần vượt lên những khác biệt, đoàn kết như cha ông buổi đầu khi mới đến vùng đất này để xây dựng và phát triển quê hương, đất nước, đó là sự tri ân, có ý nghĩa nhất đối với tiền nhân.

V.T.K

Những ấn tượng đầu tiên ở xứ Đồng Nai

ONG MẬT

Điều gì đó, việc gì đó đều bắt đầu bằng hai tiếng “đầu tiên”, như thể những ngày đầu tiên của mỗi năm là Tết. Hai tiếng “đầu tiên” ấn tượng ở con người, có khi là những kỷ niệm ấp ủ, giữ kín trong lòng; có khi là những sự việc tỏa sáng cần xác định để ghi nhớ, tự hào. Xứ Đồng Nai (bao gồm không gian văn hóa địa bàn Đông Nam bộ hiện nay) có nhiều sự kiện gắn với hai tiếng đầu tiên.

1. Vùng đất đầu tiên ở Nam bộ được định danh trong quản lý hành chính của Chúa Nguyễn

Theo các tài liệu chính thống, người Việt đã có mặt ở vùng đất Nam bộ từ năm 1620; đến năm 1679, có thêm người Hoa định cư ở Cù Lao Phố (Biên Hòa) và Mỹ Tho (Tiền Giang); vùng Hà Tiên cũng có người Hoa dòng họ Mạc. Đó là sự cư trú cộng cư, tự phát, chưa phân định hành chính. Đến năm Mậu Dần 1698, Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh phụng mệnh Chúa Nguyễn kinh lược phương Nam, lập Phủ Gia Định; lấy xứ Đồng Nai đặt huyện Phước Long, dựng dinh Trấn Biên; lấy đất Sài Gòn làm huyện Tân Bình, dựng dinh Phiên Trấn. Con cháu người Hoa ghép vào sổ hộ tịch, ở nơi Trấn Biên lập xã Thanh Hà, ở nơi Phiên Trấn lập xã Minh Hương. Đó là những địa danh hành chính đầu tiên ở phương Nam thuộc quyền cai trị của Chúa Nguyễn.

2. Miếu thờ Quan Thánh Đế đầu tiên của người Hoa ở Nam bộ

Chùa Ông được xây dựng năm 1684 tại Cù Lao Phố do nhóm người Hoa Trần Thượng Xuyên lánh nạn nhà Thanh, được Chúa Nguyễn cho định cư ở vùng này từ năm 1679. Chùa Ông đã qua nhiều lần trùng tu vào các năm 1743, 1817, 1894, 2009 - 2010 nhưng vẫn giữ được bản sắc về kiến trúc, mỹ thuật, lễ tục. Chùa Ông được xếp hạng di tích cấp quốc gia năm 2001, hiện nay đang chuẩn bị hồ sơ đề nghị xếp hạng di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia đối với lễ hội Chùa Ông.

3. Đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh và di tích mộ huyền táng ở Cù Lao Phố

là di tích khởi đầu của hệ thống đình, đền, miếu thờ Đức Ông Nguyễn Hữu Cảnh ở Nam bộ.

Nguyễn Hữu Cảnh là người được Chúa Nguyễn giao việc kinh lược ở phương Nam. Năm 1698 ông ổn định hành chính ở xứ Đồng Nai; năm 1699 ông bình định giặc Chân Lạp quấy rối bờ cõi; bị bạo bệnh, mất trong lúc di hành công vụ khoảng ngày Rằm tháng 5 âm lịch. Di hài ông được đưa về hành dinh ở Cù Lao Phố ngày 16 tháng 5 âm lịch; dân làng tế lễ, thương tiếc, lập mộ, dựng đền thờ, lấy đó làm ngày giỗ trọng, giữ lệ đến nay. Về mộ của ông, hiện còn di tích 2 ngôi mộ cổ, sách sử ghi là “huyền táng”, nhà nghiên cứu Lý Việt Dũng tra từ điển cổ thư giải thích là “táng tạm”, sau đó mới cải táng đưa về quê nhà. Ý kiến này khớp với gia phả do Nguyễn Hữu Tiến (cháu trực hệ 10 đời) lưu giữ, trong đó ghi là sau khi Gia Long lên ngôi (1802), thực hiện chính sách quy tập hài cốt tử sĩ, người cháu trực hệ đời thứ 5 là Ngũ Đức Hầu Nguyễn Hữu Quỳnh tìm đến Cù Lao Phố, đưa hài cốt Đức Ông về quê nhà, an táng ở đất thiêng An Mã (nay thuộc Trường Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình), lập bia, tạo thành di tích, duy trì và phát triển đến nay. Về đền thờ, có người cho rằng đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh sớm nhất ở Nam bộ là đền Lễ Công tức là đình Châu Phú ở TP.Châu Đốc, tỉnh An Giang. Thực ra, đình Châu Phú (hay là đền Lễ Công) do Nguyễn Văn Thoại xây dựng trong thời gian ông nhậm chức tại địa phương, khoảng 1817 - 1829.

4. Văn miếu đầu tiên ở xứ Đàng Trong

Văn miếu Trấn Biên được xem là Văn miếu đầu tiên ở xứ Đàng Trong, xây dựng năm 1715 thời Chúa Nguyễn Phúc Chu, được trùng tu lớn năm 1794, 1852. Năm 1861 bị thiêu hủy trong chiến tranh thực dân Pháp



Một góc Tổ đình Long Thiên (TP.Biên Hòa)

chiếm Biên Hòa; năm 1998 được khởi công phục dựng theo mô tả trong sách Gia Định Thành Thông chí của Trịnh Hoài Đức, khánh thành đưa vào hoạt động ngày 14-2-2002; được xếp hạng di tích cấp quốc gia tại Quyết định số 2894/QĐ năm 2016.

5. Chùa Phật theo hệ phái Thiền tông Lâm Tế xuất hiện đầu tiên ở Nam bộ

Đó là Tổ đình Quốc ân Kim Cang do Thiền sư Nguyên Thiều khai sơn khoảng năm 1694, nay thuộc Bình Thảo, xã Tân Bình, H.Vĩnh Cửu. Thiền sư Nguyên Thiều (1648 - 1728), người gốc Trung Quốc, xuất gia từ nhỏ, hành đạo tại Việt Nam từ sớm, thuộc dòng phái Lâm Tế đời thứ 33; từng là Quốc sư thời Chúa Nguyễn, vào Bình Định khai sơn chùa Thập Tháp, rồi vào xứ Đồng Nai lập chùa Kim Cang. Các đại đệ tử của Thiền sư khai sơn các chùa cổ ở Đồng Nai như: Đại Giác, Long Thiên, Bửu Phong. Tổ đình Quốc Ân Kim Cang bị thiêu hủy năm 1946 do tiêu thổ kháng chiến, sau chiến tranh được phục dựng, hiện còn tháp mộ của thiền sư. Có nhiều ý kiến khác nhau về tháp mộ này; nhưng hiện vật linh vị bằng đá của Minh Vật Nhất Tri, đại đệ tử đời thứ 34 của Thiền sư Nguyên Thiều với thông tin xác thực khiến hết tranh cãi. Trong khuôn viên Tổ đình Kim Cang, còn một ngôi mộ cổ bằng ô dước, kiểu kiến trúc mộ thế kỷ XVII, với chuyện truyền

khẩu rằng, công nữ Ngọc Vạn cuối đời ẩn tu ở Mô Xoài, rồi tu ở núi Chứa Chan, nghe tiếng Quốc sư ở chùa Kim Cang, tìm đến thọ giáo rồi mất, được táng tại đây. Sự việc chưa được minh định.

6.Nhà thờ Tân Triều với xứ đạo Tân Triều cũng được xem là một trong những cơ sở của Công giáo đầu tiên ở Nam bộ

Thực ra, Niên đại nhà thờ sớm nhất ở Nam bộ được ghi nhận là nhà thờ Chợ Quán được trùng tu lần đầu năm 1727 tại xứ đạo Chợ Quán (có từ 1722).

Ở Tân Triều, theo truyền ngôn của người địa phương, trước 1722, các Cha Dòng Tên đã đến truyền giáo tại nơi đây do đã có nhiều người công giáo quy tụ, thời đó vùng đất này mang tên “Đá Lửa” nên gọi là họ đạo Đá Lửa. Một nhà nguyện tạm được dựng lên để làm nơi dâng lễ và cầu nguyện. Năm 1778, Linh mục Pigneau de Béhaine (Bá Đa Lộc) đến bảo trợ họ đạo này và đổi tên họ đạo Đá Lửa thành Tân Triều, đồng thời lập chủng viện tại đây. Năm 1850, Cha Martinô Hiễn đến coi sóc Giáo xứ Tân Triều và cùng cộng đoàn xây nhà thờ mới, nay thuộc ấp Vĩnh Hiệp, xã Tân Bình, H.Vĩnh Cửu.

Ngoài ra, trong kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ - tay sai, chiến trường Đông Nam bộ ở xứ Đồng Nai cũng tạo ra nhiều ấn tượng đầu tiên: Trận phục kích La Ngà 1-3-1948 là chiến thắng đầu tiên trong giao thông chiến; những trận đánh thập canh đầu tiên trong năm 1948 khởi đầu cách đánh đặc công; trận đầu diệt Mỹ là trận tập kích Nhà Xanh ở Biên Hòa khiến 2 cố vấn Mỹ đứng đầu danh sách chết trận đầu tiên ở Việt Nam là Thiếu tá Buis và M.Ovmand.

Những ấn tượng đầu tiên ấy không phải ngẫu nhiên mà do sự tích hợp, kết tinh giá trị của vùng đất hội đủ “thiên thời - địa lợi - nhân hòa”. Vậy nên, ngày xuân, nghĩ về những ấn tượng đầu tiên của xứ sở, càng tự hào, càng vui, càng phải tự nghiệm: cần phải tiếp tục làm gì để việc đầu tiên tiếp nối sự đầu tiên.

O.M

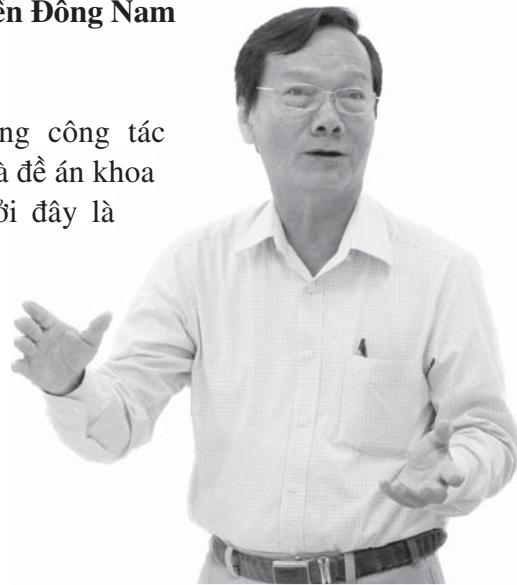
Xã hội Đông Nam bộ từ khởi thủy đến đầu thế kỷ XXI

CẨM DIỆP

Là một trong số ít những tác phẩm về vùng Đông Nam bộ, Xã hội Đông Nam bộ từ khởi thủy đến đầu thế kỷ XXI của tác giả Huỳnh Ngọc Đáng do NXB Tổng hợp TP.HCM ấn hành mang nhiều giá trị tâm huyết của tác giả khi nghiên cứu văn hóa lịch sử về vùng đất và con người miền Đông Nam bộ.

TS Huỳnh Ngọc Đáng cho rằng công tác nghiên cứu về miền Đông Nam bộ là đề án khoa học có tầm nhìn vượt thời gian bởi đây là vùng đất cổ hình thành từ cách

“Các tộc người bản địa Đông Nam bộ bước vào thời kỳ văn minh với hàng trang lớn mang theo là di sản văn hóa Đồng Nai” - TS HUỖNH NGỌC ĐÁNG.



TS sử học HUỖNH NGỌC ĐÁNG sinh năm 1958, quê quán Tân Uyên, Bình Dương, là Đại biểu Quốc hội khóa XII, XIII và hiện là Chủ tịch Hội Khoa học lịch sử tỉnh Bình Dương. Ông cũng là tác giả của công trình nghiên cứu Chính sách của các vương triều Việt Nam đối với người Hoa (NXB Tổng hợp TP.HCM ấn hành năm 2018). TS Huỳnh Ngọc Đáng bày tỏ mong muốn các ngành học thuật nghiên cứu chuyên sâu, có hệ thống về quá trình phát triển của vùng Đông Nam bộ.

nay hàng chục triệu năm, “từ xa xưa là nơi sinh sống của các dân tộc bản địa, chủ nhân của văn hóa Đồng Nai, nền văn hóa cùng thời và có độ sáng rực rỡ tương đương với Sa Huỳnh, Đông Sơn”. Tác giả đánh giá “Đông Nam Bộ có bề dày văn minh tương đương các vùng khác ở Đông Nam Á”, tiếc là hàng trăm năm qua không có nhiều nghiên cứu nghiên cứu khoa học chuyên sâu về vùng đất này.

Khởi thủy đồi gò, đất đỏ ba-zan

Đông Nam bộ tuy thuộc vùng văn hóa Nam bộ song là một tiểu vùng có những đặc điểm khác biệt so với vùng đồng bằng sông Cửu Long. Cụ thể, “đây là một thế giới của đồi gò, rừng rậm, đất đỏ ba-zan; của những nhánh sông có thượng lưu nước ngập tràn bờ vào mùa mưa và trở đáy vào mùa khô nên không dễ dàng thông thương”.

Các di chỉ khảo cổ tiền sử ở Đông Nam bộ cho thấy xã hội người nguyên thủy hình thành với các điểm cư trú đông người trên vùng ven bờ hai con sông Đồng Nai và sông Bé, hình thành lao động sơ khai, trao đổi vận chuyển hàng hóa. Văn hóa Đồng Nai ở thiên niên kỷ I và II trước Công nguyên có vị trí quan trọng trong phức hệ văn hóa Việt Nam, xuất hiện từ lớp dân cư mới thuộc thời đại kim khí ở lưu vực sông Đồng Nai mà về sau được phát hiện với hàng ngàn di vật đồ đá, gốm... vô giá, trong đó có trang sức bằng đồng tìm thấy ở Long Khánh (Đồng Nai) hay trống đồng ở Phú Chánh (Bình Dương).

TS Huỳnh Ngọc Đáng đúc kết Đông Nam bộ có nền sinh thái tự nhiên khá đặc trưng; xã hội thời tiền và sơ sử đã bước vào văn minh trên nền tảng văn hóa Đồng Nai; từng là xã hội của các tiểu quốc biệt lập (trước thế kỷ XVII) và sau đó người Việt vào khai khẩn đất Đồng Nai - Gia Định, lập xã hội Việt Nam ở phương Nam chính thức ra đời từ sau năm 1698...

Môi trường chi phối văn hóa

Tác giả Huỳnh Ngọc Đáng viết rằng “tự nhiên và môi trường sinh thái Đông Nam bộ chi phối mạnh mẽ lịch sử, văn hóa của con người địa phương”. Xã hội vùng này “không hề đứng yên” mà có độ mở lớn dẫn đến sự biến đổi và phát triển rục rịch, “luôn đi trước theo đà văn minh” trong suốt nhiều thiên niên kỷ.

Chia sẻ với Đồng Nai cuối tuần, TS Huỳnh Ngọc Đáng cho rằng: “Trải qua năm tháng lịch sử, người Đông Nam bộ cần cù, sáng tạo, trọng nghĩa, thực nghiệp, thích ứng với chuyển biến của kinh tế - xã hội bằng tính cách dám nghĩ dám làm, ủng hộ yếu tố mới lạ, hình thành và phát triển một môi trường tự nhiên và sinh thái xã hội đa văn hóa, đa tộc người cởi mở, trọng nghĩa tình”.

Theo tác giả, Đông Nam bộ là vùng được người Pháp ưu tiên phát triển trong cả hai cuộc khai thác thuộc địa, tạo ra những chuyển biến kinh tế - xã hội sâu sắc so với cả nước. Nơi này là một trong những vùng trọng điểm ác liệt của chiến tranh Việt Nam, sau khi nước nhà thống nhất “trở thành vùng kinh tế trọng điểm phía Nam của Việt Nam, nơi từng là cái nôi của công cuộc đổi mới và công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”.

Ông Huỳnh Ngọc Đáng bày tỏ: “Xã hội Đông Nam bộ có nội dung, đặc điểm lịch sử và văn hóa khá đặc trưng, xứng đáng được nghiên cứu, khái quát thành những chuyên đề học thuật, nhằm trang bị tri thức, có thể giúp các đơn vị chức năng tham khảo trong xây dựng các chủ trương, chính sách phát triển vùng đất này”.

C.Đ

Biên Hòa - Đồng Nai trong Hồi ký Xứ Đông Dương

VŨ TRUNG KIÊN

Paul Doumer (1857-1932) là Toàn quyền Đông Dương giai đoạn từ 1897 đến năm 1902 và sau đó là Tổng thống Pháp từ 1931-1932. Trước khi làm Tổng thống Pháp, Paul Doumer từng đảm nhiệm nhiều chức vụ cao của Pháp như: Bộ trưởng Tài chính, Chủ tịch Hạ viện, Chủ tịch Thượng viện. Paul Doumer đã viết tác phẩm Hồi ký Xứ Đông Dương kể về thời kỳ ông làm Toàn quyền Đông Dương. Trong tác phẩm này, Paul Doumer đã phác họa khá cơ bản những nét đặc trưng của Biên Hòa - Đồng Nai xưa giúp cho hậu thế hiểu thêm về vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai xưa.

Nhắc tới Paul Doumer, người Việt chắc hẳn không quên những công trình ghi dấu ấn của ông, trong đó có 3 cây cầu nổi tiếng ở 3 vùng đất nước là cầu Paul Doumer (tức cầu Long Biên hiện nay); cầu Thành Thái (tức cầu Tràng Tiền hiện nay); cầu Bình Lợi (TP.HCM). Ngoài ra còn phải kể tới hàng loạt những công trình mang đậm dấu ấn của ông như: Cảng Hải Phòng, hệ thống đường sắt xuyên Đông Dương, đường sắt Vân Nam; chọn Đà Lạt là nơi tạo lập khu nghỉ dưỡng... Paul Doumer còn đóng vai trò quan trọng đối với văn hóa và khoa học

khi chủ trì lập ra các viện nghiên cứu, các cơ sở văn hóa, giáo dục ở Việt Nam như: Viện Viễn Đông Bác cổ Pháp - EFEO, Đại học Y Hà Nội, Viện Pasteur Nha Trang... Tất nhiên, ông là một nhà cai trị, nhà cai trị có tầm nhìn nên các công trình hoàn thành trong thời gian ông là người đứng đầu cai trị Việt Nam chính là chiến lược để cai trị, khai thác thuộc địa giàu có Việt Nam lâu dài. Tuy nhiên, nhìn ở một khía cạnh tích cực thì những công trình hoàn thành dưới thời cai trị của ông đã đóng góp không nhỏ cho sự phát triển của Việt Nam khi ấy và cả sau này. Có lẽ vì vậy mà một học giả của đất Nam bộ là Vương Hồng Sển đã cho biết trong cuộc đời mình, cụ đã gặp hầu hết các Toàn quyền Đông Dương, song tất cả các toàn quyền khác cụ “bốc” rồi phải đi “rửa tay”, còn riêng Paul Doumer cụ phải “bốc thơm”.

Cuốn hồi ký của Paul Doumer gồm 7 chương ghi lại lịch sử khoảng thời gian 5 năm Paul Doumer làm Toàn quyền Đông Dương gồm: (1) Từ Paris tới Sài Gòn. Chương này kể về hành trình nhậm chức của Paul Doumer từ Sài Gòn đến Hà Nội. (2) Tổng quan về Đông Dương. (3) Nam Kỳ. (4) Bắc Kỳ. (5) Trung Kỳ. (6) Cao Miên và Ai Lao. (7) Sự trỗi dậy của Đông Dương.

Trong chương 3 viết về Nam Kỳ, Paul Doumer đã khắc họa một vùng đất mới với sông rạch chằng chịt, với “khung cảnh bầu trời lặng ngắt, không một gợn mây, mặt trời không sưởi ấm mà cứ nóng như thiêu, như đốt liên tục, nhiệt độ lúc nào cũng cao quá mức chúng ta có thể tưởng tượng được, ngỡ như nhiệt kế chỉ sai. Nhưng bù lại cho tất cả những điều đó là cặp mắt ta được no nê ngắm nhìn những gì thiên nhiên ban tặng cùng vẻ đẹp bất tận của bầu trời”.

Nếu như miền Tây, lúa là cây chủ lực với thu nhập lớn cho nhà nông thì trong tác phẩm của mình, Paul Doumer cho biết ở miền Đông số người giàu có ít hơn rất nhiều. “Lúa thu hoạch thấp, thu nhập chính của nông dân, một phần từ cây trái, một phần từ mía, rất khiêm tốn”. Paul Doumer cho biết diện tích canh tác ở miền Đông Nam bộ rất nhỏ, nó chỉ là những dải đất hẹp, nhỏ ở các tỉnh Thủ Dầu Một và Biên Hòa, một vài mảnh đất đơn lẻ giữa rừng thuộc tỉnh Bà Rịa. Paul Doumer cho rằng hình như các ông chủ ở Nam Kỳ chỉ giới hạn việc thu hoa lợi từ đất đai sẵn có mà không có bất cứ nỗ lực nào để khai khẩn thiên nhiên. Vì vậy, tác giả viết “chỉ cần ra khỏi Sài Gòn 30km về phía Đông Bắc là đã có thể thấy những vùng chưa được khám phá và khó thâm

Cho dù thế nào thì cuốn sách cũng là một tác phẩm có rất nhiều thông tin về Đông Dương khi ấy, nhất là qua cuốn sách này, thế hệ sau hiểu thêm về vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai hơn 100 năm trước.

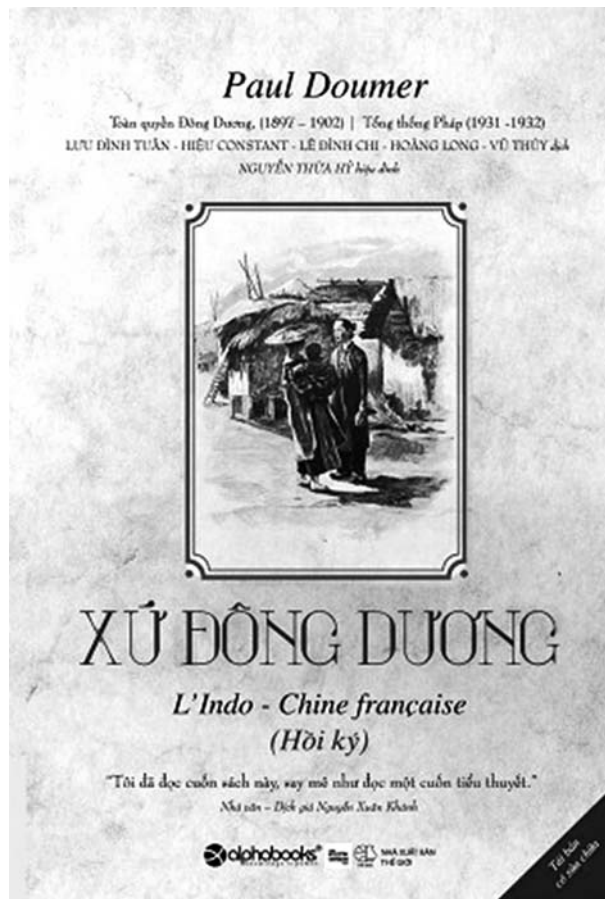
nhập, bị bỏ cho thú hoang và một vài bộ lạc miền núi không chịu thần phục. Không có bất cứ loại đường đi nào”. Cái khắc nghiệt của thiên nhiên hoang dã Đồng Nai đã từng đi vào ca dao: “Đồng Nai xứ sở lạ lùng/ Dưới sông sấu lội, trên rừng cọp um”.

Biên Hòa thuộc Đồng Nai trong hồi ký của Paul Doumer là vùng đất không xa bao nhiêu so với Sài Gòn khi ấy nhưng đã được coi là nơi “tận

cùng của thế giới”: “Thành phố Biên Hòa bên sông Đồng Nai, là nơi tận cùng của thế giới mà ta biết. Trong số những vùng bị cả Nam Kỳ bỏ quên này, có vùng do bị bỏ bê, có vùng do bị thành kiến”. Paul Doumer cho biết ông đã đi Biên Hòa qua ngã Thủ Dầu Một và ông đánh giá Thủ Dầu Một là “một thị trấn nhỏ nằm duyên dáng bên sông Sài Gòn” với những loại trái cây nổi tiếng: dứa, xoài, măng cụt, đặc biệt là măng cụt, một loại trái cây mà theo ông do dễ hỏng, không giữ được lâu nên “Nó là loại quả duy nhất những người buôn bán hoa quả thuộc địa ở Paris và London không bán”.

Ngược hẳn với Thủ Dầu Một, Biên Hòa, theo Paul Doumer là một vùng đất địa hình gồ ghề với những ngọn đồi nhấp nhô. “Đất đỏ bị nén rất cứng gọi là đá Biên Hòa (đá ong) ở khắp mọi nơi; đá tảng đã xuất hiện. Ngay tại Biên Hòa, lòng sông Đồng Nai đã toàn đá ngăn không cho tàu bè đi xa. Người ta ngược sông bằng một sà lúp nhỏ cách Biên Hòa vài cây số tới một làng An Nam xa nhất có tên là làng Trị An; ở đó có một đập đá cao cắt ngang sông. Tại đó dòng sông đổ ầm ầm xuống thành các ghềnh thác qua những dãy đá như một chiếc thang khổng lồ, dài hàng trăm mét, cao hơn 20m. Vào mùa mưa, nước lên cao, không nhìn thấy các khối đá nữa; nước nhấn chìm mọi thứ; dòng sông chảy nhanh, điên cuồng, sủi bọt ầm ầm đổ xuống đoạn phía dưới đập”. Dưới con mắt của một nhà cai trị có chiến lược, Paul Doumer đã khuyến khích một công ty tận dụng thác Trị An để sản xuất điện, tuy nhiên, ông cũng tiếc nuối khi hết nhiệm kỳ của ông công việc này “vẫn chưa đạt được kết quả đáng kể nào”.

Biên Hòa hơn 100 năm trước được ghi chép trong tác phẩm của



Paul Doumer là một vùng đất còn đầy vẻ hoang sơ, khắc nghiệt, khi mà: “Ở Biên Hòa, tức là ở Trị An, tôi đã đứng trước bờ sông, phía sau tôi trải ra một vùng rộng lớn. Năm 1897, khi tôi hỏi bên kia sông là gì, người ta trả lời tôi ở bên đó là rừng rồi đến núi và những nơi không biết rõ”.

Paul Doumer là người cai trị trực tiếp Việt Nam khi ấy, đặc biệt ông từng giữ các trọng trách rất cao trong Chính phủ Pháp trước khi sang Đông Dương. Vì vậy, những suy nghĩ và đánh giá của ông về Đông Dương - dù nhìn dưới con mắt của kẻ cai trị nhưng vẫn có những đánh giá sâu sắc, khác quan khác với nhiều tác giả khác. Những trang viết về người thật, việc thật trong tác phẩm này của Paul Doumer chiếm nhiều trang. Tuy nhiên, không chỉ ghi chép, tác giả còn thể hiện

tầm nhìn trong việc quy hoạch, phát triển, kiến thiết Đông Dương. Phó giáo sư Dương Văn Quảng đã nhận xét: “Cuốn sách được viết dưới con mắt của một Toàn quyền nhằm tự khẳng định rằng mình đã “hoàn thành trọng trách lớn lao... [ở] Đông Dương tốt hơn bất kỳ ai khác” “với niềm tự hào phụng sự nước Pháp”. Trong tác phẩm của mình, chính Paul Doumer cũng nói rằng sự hiện diện của nước Cộng hòa Pháp tại Đông Dương không chỉ vì sứ mệnh tổ chức và quản lý thuộc địa, mà nước Pháp còn phải hành động trong khuôn khổ những phương tiện có trong tay để chính sự phát triển của thuộc địa truyền thêm sức mạnh, từ đó tăng cường danh tiếng, quyền lực và hành động của nước Pháp tại Viễn Đông. Như vậy, chắc chắn trong cuốn sách này cũng có những nhận định mang tính chủ quan chưa trùng khớp với lịch sử dân tộc chúng ta.

Rất nhiều nhà nghiên cứu đã khẳng định rằng đọc cuốn sách này độc giả sẽ bị lôi cuốn bởi cách viết của tác giả; sẽ được khám phá và tìm thấy nhiều điều mới mẻ chưa từng đọc, chưa từng nghe trước đó...

V.T.K

Nghĩ về hào khí Đồng Nai

ĐÀM CHU VĂN

Đồng Nai là tên gọi của cả vùng đất Nam bộ xưa: “Làm trai cho đáng nên trai. Phú Xuân đã trải Đồng Nai cũng từng”, “Hết gạo đã có Đồng Nai. Hết củi đã có Tân Sài chở vô”(ca dao). Trong bài viết này, tôi xin khui biệt về ranh giới địa lý của tỉnh Đồng Nai hiện tại.

Tôi cũng không đi sâu vào tìm hiểu lịch sử của địa danh Đồng Nai, tên gọi Đồng Nai có từ bao giờ nhưng tôi dám tin chắc một điều: lịch sử của vùng đất đang mang tên Đồng Nai với nhiều thế hệ người sống trên vùng đất đó đã thực sự xứng đáng với tên gọi của mình, nối tiếp nhau có những đóng góp cực kỳ quan trọng tạo nên hào khí của cả xứ Đồng Nai - Nam bộ xưa và đang hàng ngày hàng giờ hun đúc, làm rạng danh hào khí ấy.

Thời nào cũng có anh hùng, thi sĩ

Lịch sử thành văn của vùng đất này được ghi dấu từ năm 1698 khi Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh vâng mệnh chúa Nguyễn Phước Chu vào kinh lý vùng đất phía Nam còn hoang vu thưa thớt. Lúc ấy dân Việt di cư vào đây từ vài trăm đến vài chục năm trước sống chủ yếu ở các giồng đất hai bên bờ sông Đồng Nai, sông Sài Gòn, mà tụ tập đông nhất là vùng cù lao Phố và vùng Gia Định - Sài Gòn. Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh đã thay mặt chúa Nguyễn lập ra bộ máy hành chính



Ảnh: LÂM CÓN

Bên tượng vua Lý Thái Tổ ở vườn tượng danh nhân Văn miếu Trấn Biên

đầu tiên ở Đồng Nai và Sài Gòn, ông “lấy xứ Đồng Nai làm huyện Phước Long, dựng dinh Trấn Biên, lấy xứ Sài Gòn làm huyện Tân Bình dựng dinh Phiên Trấn” (Gia Định thành thông chí - Trịnh Hoài Đức). Điều tôi muốn khẳng định thêm ở đây là Nguyễn Hữu Cảnh sau này cả xứ Nam bộ đều thờ là “Thần hoàng bốn cảnh”, ông là người đã thay mặt chúa Nguyễn khẳng định vùng lãnh thổ của nước Đại Việt, mở ra một trang mới cho sự phát triển của vùng đất.

Lịch sử đã đi những bước quanh co, đầy máu xương, nước mắt nhưng không thời nào không có anh hùng, thi sĩ. Hơn 200 năm trước, tại thôn Bình Trước, dinh Trấn Biên (TP.Biên Hòa hiện nay) hai dòng máu Việt - Hoa hòa quyện đã cho ra đời một con người sau này trở thành một nhà văn hóa lớn, ngôi sao sáng nhất trên văn đàn Đồng Nai - Gia Định những năm cuối thế kỷ 18. Ông là Cán Trai Trịnh Hoài Đức. Công trình văn hóa lớn nhất Trịnh Hoài Đức để lại và cũng là công trình văn hóa lớn nhất thời trung đại ở Nam bộ là bộ sách Gia định thành thông chí. Trịnh Hoài Đức đã ghi lại lịch sử, địa lý vùng đất Nam bộ trong khoảng thời gian hai trăm năm, có những nhận xét, kiến giải khoa học về vùng đất này. Các nhà nghiên cứu về lịch sử, văn hóa

vùng đất Nam bộ trước đây và sau này vẫn còn phải tìm đến bộ sách của ông. Trịnh Hoài Đức còn là một nhà thơ lớn. Thơ ông tha thiết một tình yêu quê hương đất nước.

Tỏa rạng trong mỗi người con yêu nước

Cũng như ở mọi miền đất khác, những người “dân ấp dân lân” ở vùng đất này luôn cặm cụi lam làm, vun vén cuộc sống gia đình đầm ấm yên vui. Họ là người yêu cuộc sống hòa bình hơn ai hết. Ruộng vườn của họ, sông nước của họ, làng quê của họ, mắc mở chi kẻ ngoại bang nhảy vô giày xéo. Ngày 2-2-1859 giặc Pháp kéo vào Gia Định. Ngày 17-2-1859, thành Gia Định thất thủ trong một buổi sáng. Ngày 16-12-1861, giặc kéo lên Biên Hòa. Quan quân triều đình nhà Nguyễn sau một vài kháng cự yếu ớt, đốn hèn bỏ ngõ thành Biên Hòa chạy ra Bình Thuận. Nhưng nhân dân và sĩ phu Nam bộ đã vùng đứng dậy “sống mái” với giặc ngay khi chúng vừa kéo tới. Họ tự đứng ra tổ chức thành những toán dân dũng vô danh và tụ tập dưới ngọn cờ nghĩa của “Bình Tây đại nguyên soái” Trương Định, của lãnh tụ nông dân Nguyễn Trung Trực tập kích vào các đồn giặc, đốt cháy tàu giặc trên sông Nhật Tảo.

Ở Biên Hòa, nhân dân đã cùng với lực lượng của lãnh binh Nguyễn Đức Ứng dàn trận cản giặc ở Long Thành. Lãnh binh Nguyễn Đức Ứng và 27 nghĩa binh đã hy sinh anh dũng trong cuộc chiến đấu không cân sức này. Ông và nghĩa binh của mình là những liệt sĩ đầu tiên hy sinh trên đất Đồng Nai trong công cuộc chống thực dân Pháp xâm lược.

Ở Đồng Nai, có một địa danh ít được nhắc đến nhưng lịch sử vẫn còn ghi, đó là Rừng Lá (Xuân Lộc), thuộc địa phận các xã Xuân Hòa, Xuân Hưng bây giờ. Những ngày đầu khởi nghĩa chống Pháp, sau khi Bình Tây đại nguyên soái Trương Định hy sinh, Trương Quyền - con trai của ông đã rút quân từ Gò Công - Tân An về nơi đây lập căn cứ chống Pháp suốt mấy năm trời. Trong cuộc kháng chiến 9 năm chống Pháp và kháng chiến chống Mỹ, nơi đây cũng là căn cứ địa của ta.

Hào khí Đồng Nai luôn tiềm tàng và tỏa rạng trong mỗi người con yêu nước xứ này. Từ ngày có Đảng, hào khí Đồng Nai được nâng lên thành chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Ngọn lửa cách mạng nhen nhúm từ những đồn điền cao su Cam Tiêm, Phú Riềng, những xóm thợ Dĩ An, nhà máy cửa BIF... Ở xã Bình Trước, Q.Châu Thành, tỉnh Biên Hòa (nay là TP.Biên Hòa) có người thanh niên yêu nước Lưu Văn Viết (Tu

Hào khí Đồng Nai ở những bà mẹ hy sinh đến người con cuối cùng cho Tổ quốc. Là máu xương của hàng ngàn, hàng vạn những anh hùng đổ xuống đất này vì nền độc lập tự do của dân tộc, vì hạnh phúc nhân dân...

.....

Chà), dưới lớp áo người bán bánh mì đã đi khắp nơi tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản, gây dựng lại phong trào cách mạng. Chính ông đã giác ngộ em trai mình (Lưu Văn Văn) và kết nạp nhiều đồng chí khác vào Đảng. Và với sự vận động của đồng chí Hoàng Minh Châu đại diện Liên Tỉnh ủy Miền Đông, đã thành lập ra Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Biên Hòa: Chi bộ Bình Phước - Tân Triều.

Ở Biên Hòa còn có một thanh niên yêu nước - một người cộng sản ưu tú nữa là Nguyễn Văn Nghĩa ngày ngày đi bán dầu cù là để làm nhiệm vụ tuyên truyền cách mạng để một sớm mùa thu Tháng Tám dẫn đầu quần chúng cướp chính quyền, cắm lá cờ đỏ sao vàng lên nóc Tòa thị chính Biên Hòa (Tòa Bó). Cũng chính ông - Chủ nhiệm Mặt trận Việt Minh đầu tiên của tỉnh Biên Hòa năm 1946, khi sa vào tay giặc đã thể hiện chí bất khuất kiên trung, hy sinh liêm liệt trên dòng sông Đồng Nai lịch sử. Một Huỳnh Văn Nghệ với những vần thơ yêu nước cháy bỏng và tài lãnh đạo quân sự, xây dựng chiến khu, đánh giặc bền bỉ suốt 9 năm trường. Một Ngô Bá Cao, Bí thư Tỉnh ủy Biên Hòa (1957-1959) bị giặc bắt, kết án tử hình, đã cùng đồng chí, đồng đội nêu cao khí tiết người cộng sản, biến tòa án giặc thành nơi tố cáo tội ác của chúng...

Ngày nay hào khí Đồng Nai đang được Đảng bộ và nhân dân Đồng Nai tiếp nối, phát triển bằng thành tích của một tỉnh phát triển công nghiệp hàng đầu cả nước, liên tục tăng trưởng cao, văn hóa - xã hội phát triển, an ninh - quốc phòng giữ vững, đang tiến bước mạnh mẽ trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Hào khí Đồng Nai sẽ trường tồn và phát triển như những mùa Xuân, như sức Xuân của dân tộc.

Đ.C.V

THEO DÒNG
LỊCH SỬ 325 NĂM

Tín ngưỡng, phong tục tập quán của người Việt ở Đồng Nai - Nam bộ

HUYỀN VĂN TỚI

Tín ngưỡng phong tục tập quán dân gian ở Đồng Nai - Nam bộ mang tính hỗn dung, đa nguồn trong cơ cấu cũng như trong biểu hiện. Cơ sở kinh tế - xã hội của nó là nền nông nghiệp đa hệ sinh thái: biển - sông rạch - vườn ruộng - bán sơn địa với nền thương nghiệp phát triển khá sớm.

Cho nên, các chủ thể tín ngưỡng dân gian của cư dân địa phương gồm đa thành phần, trong đó tầng lớp thương nhân và thị dân cũng đóng vai trò quan trọng. Tất cả đều hướng lòng tin vào thần linh phù hợp với vị thế của tầng lớp mình rồi lại vươn đến hình ảnh chung nhất của cộng đồng. Ví dụ, về thần Đất chẳng hạn, từ một vị thần chung chung phân hóa thành nhiều vị thần khác nhau có chức năng liên quan đến đất, rồi lại tích hợp thành một bộ “ông Địa - thần Tài” hợp tính, hợp tình với cả nông dân, thương nhân và thị dân; thậm chí có sức thuyết phục cả giáo dân. Chỉ riêng việc “nằm lửa” của sản phụ cũng đã thấy các hệ tín ngưỡng Hoa - Việt - Chăm đan xen, hội nhập và cùng biểu hiện.

Đa hệ, hỗn dung nhưng không hỗn tạp, các thành tố hợp thành tín ngưỡng chẳng phải theo phép cộng đơn thuần mà là sự tích hợp có hệ thống, xét ở mặt nào thì hệ thống ấy cũng bền chặt, trọn vẹn với: Vòng đời người - cộng

đồng gia đình - cộng đồng xã hội, bao quát ở các cõi: Trời - Người - Đất, trải rộng ở các vùng: sông nước - vườn ruộng - rừng núi, gồm các hệ tín ngưỡng: truyền thống - ngoại nhập - bản địa, với hệ thần linh gồm các dạng: ông bà (tổ tiên) - nhân thần - thiên thần, có giới tính: nam - trung tính - nữ, và tên tuổi: hữu danh - ý niệm chung - vô danh, dưới hình thức: riêng lẻ - cặp đôi - bộ (gồm nhiều vị), có quan hệ tiếp biến với: Nho giáo - Phật giáo - Đạo giáo, được phân bố vị trí thờ cúng hài hòa giữa trung tâm với trái - phải, trước - sau, trong - ngoài, trên - dưới... nó bền chặt đến mức nếu có nhân tố gia nhập mới thì đó chỉ là sự hòa nhập, thêm vào chứ không phải là sự thay thế hoặc thay đổi cấu trúc. Nhưng nó không khép kín, không bảo thủ, mà chính sự đa hệ, đa dạng đã tạo ra khả năng nhạy thích ứng, để “làm quen” với văn hóa Đông - Tây, kim - cổ trên cơ sở giữ được cốt lõi truyền thống văn hóa Việt Nam. Từ đặc điểm này, có thể giải thích được tính quảng giao, rộng mở, nhạy bén với cái mới nhưng không xa rời cội nguồn dân tộc.

Sinh hoạt tín ngưỡng dân gian của cư dân Việt ở Đồng Nai - Nam bộ ít thần bí, sự lý giải về thần linh thường dựa vào logic hiện thực hơn là trí tưởng tượng thần thoại. Cho nên, các yếu tố phi lý bị giản lược, hủ tục không nhiều, thần linh có lý lịch và thần tích giản đơn, hợp lý, ít được cường điệu hoặc kỳ diệu hóa; từ đó gần gũi và thân thiết với cõi người hơn. Bà Ngũ Hành với ý niệm chung về sự vận hành của trời đất dần dần được thờ phụng phổ biến hơn các bà đầy huyền thoại khác. Thành hoàng bốn cảnh cũng được biểu niệm chung gắn với vai trò “bảo hộ và quản lý đất đai”. Tục “hèm” tránh sát sanh khi cúng Phi Vận tướng quân Nguyễn Phục và những điều kiêng: Kiêng cúng Quan công gà trống và hoa mồng gà, kiêng cúng võ Tánh heo quay, không cúng Tả quân Lê Văn Duyệt heo thiến... vì tế nhị chứ không phải do kiêng sợ.

Thần linh trong tín ngưỡng dân gian của cư dân Đồng Nai - Nam bộ không đối lập, cũng không cách biệt với cõi người, nhân tính nhiều hơn thiên tính, ban phúc hơn là giáng họa, hiếm thấy tà thần, dâm thần; do vậy, người Đồng Nai - Nam bộ đối với thần linh bằng lòng thành tri ân hơn là sự sợ hãi, phục tùng; thậm chí thần linh còn bị con người hành hạ, phiền trách, bần cợt. Hình tượng, tính cách và chức năng của ông Địa là ví dụ rõ nhất. Bởi vậy, sinh hoạt văn hóa - tín ngưỡng dân gian của cư dân Đồng Nai - Nam bộ không xa cách với đời sống hiện thực, tính tích cực xã hội của nó được hiện thực hóa trong sinh hoạt xã hội rất rõ nét; nó thường nối kết giữa đời sống tâm linh và hoạt động xã hội: Mộ vườn vừa trong vai trò thầy cúng



Thực hiện các nghi thức thỉnh Bà từ bệ đá ngự trên đỉnh núi Sam xuống miếu Bà Chúa Xứ Núi Sam (tỉnh An Giang)

thỏa mãn nhu cầu tín ngưỡng dân gian, vừa là thầy thuốc góp phần chăm lo việc sinh sản ở nông thôn khi hệ thống y tế cơ sở chưa hoàn chỉnh; tục lệ về hôn nhân có cốt lõi là hợp đồng trách nhiệm giữa đôi vợ chồng mới với gia đình hai bên và xã hội; việc tang nghiêng về ý nghĩa bảo hiểm cái chết, hội đình, hội miếu tham gia tích cực trong công tác xã hội của làng như tang tế, bốc thuốc, dạy học, hòa giải, từ thiện. Sự nhích gần giữa sinh hoạt tín ngưỡng dân gian với đời sống hiện thực cũng là sự nhích gần giữa trú sở của thần linh với thiết chế văn hóa cơ sở.

Tín ngưỡng, phong tục tập quán dân gian của cư dân Đồng Nai - Nam bộ thể hiện ý nghĩa nhân văn ở mức độ cao. Người Đồng Nai - Nam bộ thành kính thờ phụng thần linh nhưng không lệ thuộc vào thần linh, càng không chịu đóng khung trong khuôn mẫu có sẵn. Nghi thức cúng đình thần tuân theo điển lệ nhưng thực hiện không “cứng nhắc”, như việc sử dụng cờ, lọng, lỗ bộ chẳng hạn. Triều đình Nguyễn ban hành rất nhiều quy định nhằm khuôn mẫu hóa việc cúng tế ở đình, nhưng ít có quy định nào được chấp hành đầy đủ; mỗi đình đều có cách làm khác đi, ở miếu càng phóng túng hơn, ở gia đình thì hoàn toàn tùy tâm. Khi vương quyền Nguyễn suy yếu rồi sụp đổ, các thiết chế của phong kiến sụp đổ theo, nhưng cái đình vẫn nguyên vẹn ý nghĩa trong tín ngưỡng dân gian; đến khi thực dân Pháp rồi đế quốc Mỹ cai trị bằng một thiết chế khác hẳn, cái đình vẫn vững gốc mặc dù vỏ vật chất của nó bị tổn hại nặng nề.

Do hình thành muộn và bị đứt gãy bởi nhiều biến cố lịch sử, tín ngưỡng, phong tục tập quán của cư dân Đồng Nai - Nam bộ hiện tồn tại trong mâu thuẫn giữa niềm tin và tri thức. Niềm tin ở tín ngưỡng dân gian còn cội rễ trong lòng người nhưng tri thức về nó đã rơi rụng nhiều dẫn đến sai lạc, chấp vá và sự phục hồi tùy tiện, thậm chí trái với bản tính ban đầu. Đó là mảnh đất hoang để những kẻ vụ lợi gieo cấy mầm mống hủ tục, phục cổ tùy tiện. Tín ngưỡng có lòng tin mà thiếu hiểu biết rất dễ dẫn đến mê tín, dị đoan.

Tín ngưỡng dân gian ở Đồng Nai - Nam bộ không có hệ thống lý luận hoàn chỉnh về vũ trụ quan, nhân sinh quan, thế giới quan; ảnh hưởng của các tôn giáo đã bù đắp cho khoảng trống vắng đó.

Với số nữ thần được thờ cúng đa dạng, đa hệ; tính nhân văn trong tín ngưỡng dân gian của cư dân Đồng Nai - Nam bộ bộc lộ rõ nhất. Những nữ thần của khắp ba miền đất nước gần như hội nhập đủ mặt và khuyếch đại uy lực ở Đồng Nai - Nam bộ, nó thâm nhập vào thần điện của đình, chùa; lôi kéo cả nữ thần của Phật giáo, Công giáo, thậm chí lấn át cả nam thần.

H.V.T

Không gian văn hóa làng xã của người Việt ở Đồng Nai - Nam bộ

HUYỀN VĂN TỚI

**Nói về văn hóa ở phương Nam, không thể tách rời địa
danh xứ Đồng Nai với vùng đất Nam bộ vì chung lịch sử
hình thành và phát triển 325 năm qua, chung cội nguồn,
không gian văn hóa và môi trường văn hóa.**

Không gian văn hóa làng xã ở Đồng Nai - Nam bộ có những nét khác biệt so với làng ở Bắc bộ và ở Trung bộ. Nếu làng ở đồng bằng Bắc bộ, Trung bộ khép kín trong “lũy tre làng” mang tính công xã nông thôn thì ở Đồng Nai - Nam bộ làng quần cư theo tuyến sông rạch hoặc tỏa rộng tự do, đa phần là kiểu quần cư ở vùng cao ráo, cận tuyến lộ thủy bộ, theo các đồn điền, các nông lâm trường, các làng nghề thủ công với tác phong sinh hoạt vừa mang tính công nghiệp vừa nặng dáng vẻ “sơn cước”.

Làng xã Đồng Nai - Nam bộ hình thành do sự hợp cư từ di dân tứ xứ và quá trình khai khẩn của vùng đất mới, có đặc điểm là làng khai phá, tuổi đời còn ngắn; nhiều làng nghề thủ công, nghề buôn bán, lâm thủy nghiệp, có lịch sử không muộn hơn các làng thuần nông; vai trò của các nhà buôn sớm được khẳng định; thành phần phi lúa nước trong nông nghiệp đạt tỷ lệ cao khiến cơ cấu thoáng mở, luôn trong trạng thái tiếp nhận nhân tố mới, rộng đường giao lưu, dân chủ cao trong sinh hoạt và lao động, sự phân hóa xã hội không căng thẳng, cách áp bức, bóc lột của tầng lớp thống trị không thể nặng nề, hà khắc.

Đặc điểm khác nữa cũng đáng chú ý, làng xã ở Đồng Nai - Nam bộ thường có nhiều họ khác nhau; nhiều người ngoài làng tới cùng khai phá, phụ canh, làng sẽ trở nên cõi mở, đỡ bảo thủ, và càng dễ canh tân nhờ các cuộc hôn nhân, khác họ cũng như các quan hệ giao lưu thường trực. Trong quan hệ xã hội, vai trò của phụ nữ được khẳng định. Dấu ấn của họ in đậm ở các địa danh: Bà Rịa (tỉnh), Thị Vải (núi), Bà Đen (núi), Bà Ký (cầu), Bà Điểm (làng), Bà Trường (ấp); ở thần điện thờ cúng; ở các quan hệ chủ thể trong hiện thực. Khi nghiên cứu địa bộ Nam Kỳ, tác giả Nguyễn Đình Đầu ngạc nhiên: “Không ngờ phụ nữ làm chủ ruộng đất với tỷ lệ ruộng đất khá cao. Tại Biên Hòa, thôn Bình Phú Trung (tổng An Phú Thượng, huyện Bình An), 81 chủ sở hữu 1073.7.11.3 ruộng, trong đó 21 nữ chủ sở hữu 265.3.8.2, tức gần 25% số chủ và 24% ruộng đất”. Vai trò người phụ nữ được phát huy chính là dấu hiệu của một xã hội mang tính rộng mở, dân chủ, nhân văn.

Cư dân dân ở Đồng Nai - Nam bộ hội nhập từ tứ xứ, tha hương ở vùng đất mới để kiếm sống nhưng khó thiết lập những quan hệ bền chặt cho nên rất trân trọng tình cảm “đồng cảnh ngộ”, nhiều lúc nó thiêng liêng hơn quan hệ họ hàng. Trong tập quán thường ngày: Nồi cơm luôn đầy sẵn lòng đãi khách, lu nước ngọt luôn trong lành và sẵn gạo dĩa ở đầu bến hoặc ven đường, kiến trúc nhà ở luôn sẵn chỗ cho người lỡ bước, kiểu nhà bè có sự tích gắn với Thủ Huồng... Đó là những sinh hoạt văn hóa “mở lòng” đối với người đồng cảnh ngộ.

Vì chung nỗi niềm xa xứ mà cư dân Việt, người Hoa dễ hội nhập với nhau. Tổ tiên, thần thánh, niềm tin của người Hoa gốc Phước Kiến, Quảng Đông cùng một hệ nông nghiệp nên thâm nhập vào thần điện cư dân Việt khá dễ dàng, và ngược lại. Ngay cả trong sinh hoạt tôn giáo cũng vậy. Các tôn giáo: Công giáo, Phật giáo, Cao Đài, Hòa Hảo đều có cơ sở, sinh hoạt hòa bình trên mảnh đất Đồng Nai - Nam bộ.

H.V.T

Tục thờ cúng ông bà của người Việt ở Đồng Nai - Nam bộ

HUYỀN VĂN TỚI

“Thờ cúng ông bà” là cách gọi quen thuộc ở Đồng Nai - Nam bộ về tục thờ cúng tổ tiên của người Việt, được hiểu là việc thờ cúng ông bà, cha mẹ và những người đồng tộc đã chết gắn với lễ nghi thờ phụng cúng bái của gia đình.

Nếu tục thờ tổ tiên của cư dân Việt cổ ở Bắc bộ ra đời gắn với sự hình thành cộng đồng thị tộc phụ quyền thì tục thờ cúng tổ tiên của cư dân Việt ở Đồng Nai - Nam bộ bắt đầu từ “vốn liếng” có sẵn trong gia tài mang theo suốt quá trình chuyển cư.

Qua ghi chép và tài liệu điền dã của nhiều tác giả đã công bố có thể hình dung tục thờ cúng ông bà trong gia đình người Việt ở Đồng Nai - Nam bộ có nét riêng trong dòng mạch tín ngưỡng chung của cả nước.

Việc thờ cúng phân rõ 2 nội dung: Phụng thờ và cúng bái.

Việc thờ trang trọng, thiêng liêng

Căn nhà dù nhỏ vẫn dành nơi trang trọng nhất (gian chính) thờ ông bà. Ông bà được thờ gồm các thế hệ: Cha mẹ, Ông (bà) nội, ngoại, Ông (bà) cố, Ông (bà) trên ông bà cố.

Theo Lương Văn Lựu, trước đây, người địa phương thờ 3-4 đời; đến



Ảnh: HÀ LAM

Dâng hương tưởng nhớ tổ tiên là nét văn hóa đẹp của người Việt Nam

đời thứ 5 trở lên nếu có thần chủ phải đem chôn như thông tục “Ngũ đại mai thần chủ” (năm đời thì chôn thần chủ). Ông bà từ đời thứ tư trở lên được thờ chung, phối hưởng ở bàn thờ chính trong nhà hoặc bàn thờ họ ở nhà từ đường. Nhiều gia đình thờ ông bà các bậc trên ông cố gọi chung là Cửu huyền thất tổ.

Do điều kiện làm ăn xa, những người con trai - con lớn thường trưởng thành tự lập sớm nên vai trò người con út - con gái được xem trọng trong việc thờ cúng ông bà. Những hộ không phải là nhà từ đường cũng thường có bàn thờ ông bà (thờ vọng hoặc thờ tượng trưng) ở bàn thờ giữa gian chính. Bàn thờ cha mẹ bên trái, thờ ông bà nội (ngoại) bên phải. Những người khuất mặt khác như: anh, chị, em, con được thờ một góc trong nhà. Người mới chết (dù là cha mẹ, ông bà) được thờ riêng cho đến khi xả tang mới được thỉnh lư hương, di ảnh, vào bàn thờ chung.

Cách bày trí bàn thờ không khác mấy so với phong tục phổ biến, ngày càng có phần đơn giản hơn nhưng không kém vẻ trang nghiêm. Bàn thờ họ thường có hai lớp: Lớp trong là 1 bàn đơn trải chiếu cổ gọi là bàn giỗ để bày đồ cúng, lớp ngoài là tủ thờ hoặc một chiếc bàn cao hơn lớp trong để bày đồ thờ.

Bàn thờ khác (thờ cha mẹ, ông bà nội và người khuất mặt khác) đơn giản, vật thờ nhỏ hơn bàn thờ họ, thường gồm: bộ chân đèn, lư, bát nhang, bình bông, đĩa quả tử... Ở đô thị thờ đơn giản hơn ở nông thôn, nhiều khi chỉ là giá gỗ treo tường với một bát nhang, cây đèn chai, bình bông...

Việc cúng giỗ thành tâm, chu đáo

Cúng giỗ gắn với thờ phụng, việc thờ càng trang nghiêm, việc cúng càng trang trọng. Hai hình thức cúng chủ yếu: cúng hàng ngày và cúng giỗ.

Hàng ngày, con cháu thay nước cúng, đốt nhang, lên đèn, khấn xá trước bàn thờ ông bà. Mỗi khi đi xa về hoặc chuẩn bị làm việc hệ trọng, người Đông Nai - Nam bộ có thói quen đốt nhang khấn cáo ông bà. Việc cúng giỗ không khác so với miền Bắc, miền Trung. Lòng thành với cha mẹ, ông bà như nhau, lễ thức cũng giống nhau, cúng giỗ cha mẹ được chuẩn bị kỹ hơn cúng giỗ ông bà.

Giỗ ở nhà từ đường long trọng hơn ở tại gia. Cũng như phong tục phổ biến, sau ngày chết: 49 ngày cúng thất, 100 ngày cúng tiểu tường, 12 tháng cúng giáp năm, 24 tháng cúng đại tường; 27 tháng cúng xả tang, năm thứ ba trở đi gọi là giỗ thường niên, cúng trước ngày giỗ chính gọi là cúng tiên thường (thường là cúng chay), ngày giỗ chính cúng mặn.

Việc thờ, thờ đến 3-4 đời nhưng cúng giỗ có thể cúng đến đời thứ 5, thứ 7 nếu con cháu còn nhớ ngày chính xác.

Có gia đình họ Nguyễn ở Hòa Hưng còn cúng giỗ 16 vị thuộc 7 đời. Ngày giỗ được tính theo âm lịch. Những người đã khuất không còn nhớ ngày thường được gộp chung hoặc phối hưởng trong các ngày giỗ tượng trưng như: Giỗ cố nội, giỗ cố ngoại, giỗ cao... hoặc được gộp lại trong một ngày thuận lợi nào đấy.

Trong ngày giỗ, nhất là giỗ ông bà nội, ngoại; cha mẹ, anh em, con cháu họp mặt, góp công sức chung lo bữa giỗ. Đây là dịp họp gia đình, nhắc nhớ người chết và trao đổi việc nhà việc họ giữa các thành viên trong họ. Người trong họ không đến dự được có thể gửi đồ cúng đến cúng gọi là gửi giỗ. Cũng có thể cúng tại gia cùng lúc với giỗ chính ở từ đường gọi là cúng vọng.

Tục thờ cúng ông bà đã kết dính các lớp cư dân Việt ở Đông Nai - Nam bộ với nhau, với cội nguồn: Lớp trước lớp sau, vùng này vùng khác, làng này làng nọ, tôn giáo này tôn giáo kia; các phật tử và giáo dân (Cao Đài, Hòa Hảo, Công giáo) đều coi việc thờ cúng ông bà là phận sự hiển nhiên; trong nhà giáo dân các xứ đạo có bàn thờ cha mẹ và tục giỗ ông bà cha mẹ là phổ biến. Do cùng chung tục thờ cúng ông bà mà cư dân Việt ở Đông Nai - Nam bộ không phân biệt tôn giáo, xứ sở, sang hèn đã chung sống với nhau, đoàn kết, hòa hợp, không xa cội quên nguồn.

Sau hơn 300 năm phát triển đầy biến động, tục thờ cúng ông bà ở Đồng Nai - Nam bộ tiếp biến với nhiều nhân tố mới có biến đổi về diện mạo nhưng vẫn không xa cội nguồn; được xem là di sản cổ truyền của người Việt ở Đồng Nai - Nam bộ.

Người Đồng Nai - Nam bộ xa xứ thường cúng vọng tổ tiên đúng hoặc khác ngày so với giỗ chính.

Món cúng tùy theo phong tục của gia đình, thường đủ các món: kho, xào, nướng, canh, rau, bánh, trái cây, giải khát. Người Đồng Nai - Nam bộ ít khi thiếu các món: dưa giá - thịt kho, khổ qua dồn thịt, cá kho, trứng chiên, rau luộc - mắm nêm, bánh ít, bánh da lợn và trái cây đương vụ.

..... Thường chuẩn bị ít nhất là 3 mâm cúng: Một mâm cúng bày ở bàn thờ người được cúng, một mâm bày ở bàn giữa nhà cho các vị phối hưởng, một mâm đất đai âm trạch (có nơi gọi đất đai nhưn trạch) bày ở chiếu ngoài sân hoặc ở bộ ván ngựa trong nhà.

Mâm đất đai không thể thiếu gạo - muối, rau luộc -mắm nêm và số chén đũa được bày thường là 6 (với ý nghĩa 3 cặp đất - trời - người, hoặc ông bà - cha mẹ - con cái; giống quan niệm cổ truyền của đồng bào dân tộc thiểu số).

Ngày xưa, văn khấn có bài bản; nay, lời cúng thì thâm, ngắn gọn, không còn văn điệu cốt để mời gọi người được cúng giỗ cùng ông bà và các vị phối hưởng về dự để chứng tri lòng thành của gia đình.

Trong nhiều thức cúng, một số gia đình còn giữ tục “luôn phải cúng một món gì đó” gắn với sở thích của ông bà hoặc đặc điểm của dòng họ, gia đình, gọi là cúng lễ. Có gia đình cúng khoai mì, rau chày, cháo cá ám, ốc luộc... vì các món này vốn được ông bà ưa thích hoặc nhờ nó mà vượt khó khăn. Nhiều khi qua món cúng lễ mà họ hàng nhận ra nhau.

Thờ cúng ông bà trong gia đình là truyền thống đẹp của cư dân Việt được thể hiện thống nhất trong cả nước. Cư dân Việt ở Đồng Nai - Nam bộ lưu truyền, gìn giữ tục thờ cúng ông bà như gia bảo, có khuynh hướng đơn sơ, giản tiện hơn nhưng vẫn giữ được ý nghĩa thiêng liêng. Ấy là: Lòng tôn kính, biết ơn, kế thừa công đức tổ tiên; và sự cảm hóa giáo dục con cháu “uống nước nhớ nguồn”, “ăn trái nhớ kẻ trồng cây”.

H.V.T

Tục thờ cúng ông Địa

ONG MẬT

Ở Đồng Nai - Nam bộ, quan niệm Ngũ Tự chính thống ít phổ biến trong cộng đồng cư dân Việt, các thần Giếng (Tỉnh), thần Cổng (Môn) thần Cửa (Hộ), ít thấy được thờ cúng. Phổ biến nhất là các vị: Thổ Địa, Táo Quân, thần Tài, Thổ Kỳ, Thổ Chủ...

Ông Địa (còn được gọi là Thổ Công) là một dạng thần Đất được dân gian thờ cúng từ lâu đời. Cư dân Việt ở Đồng Nai - Nam bộ thờ cúng ông Địa - Thổ Công khá phổ biến, thờ trong nhà là chủ yếu, còn thờ ở đình, ở miếu và cả ở trong chùa.

Ở trong nhà, ông Địa thường được thờ ở khám thờ dưới đất phía bên trái bàn thờ chính, vật thờ gồm: nhang, đèn, nước, và cốt tượng ông Địa. Trong sưu tập của tác giả Huỳnh Ngọc Trảng, có 116 kiểu cốt tượng khác nhau về phong cách mỹ thuật nhưng tất cả đều thể hiện nét chung của ông Địa: nét mặt vui tươi, lạc quan; bụng và vú to thể hiện sự sung mãn, tính nữ. Đó là biểu tượng của sự thịnh vượng và sinh sản. Điều này phản ánh đúng quan niệm của dân gian về ông Địa.

Thổ Công là tên gọi dân gian khác của Thổ thần, Thổ Địa, được hiểu là thần bảo hộ đất đai của một cộng đồng cư dân nhất định. Khi Thành hoàng được “Thiên tử” ban sắc và giao nhiệm vụ: “Hộ quốc tị dân”, thì Thổ thần trở thành vị thần bảo hộ cộng đồng cư dân trong phạm vi nhỏ hơn làng xã, thậm chí là một mảnh ruộng, mảnh vườn, khu đình, đền, chùa... Nhờ vậy

mà Thổ Địa gắn với gia chủ hơn Thành hoàng. Trong tín ngưỡng dân gian, Thổ Địa là một vị gia thần vui vẻ, dễ tính, cần mẫn, thấu đáo mọi việc trong nhà, thiên về sinh sôi nảy nở, phụng sự, giúp đỡ hơn là ban phúc và gây họa. Người địa phương gọi là ông Địa bởi xem vị thần này gần gũi như một người bạn, vừa là thiên thần vừa là nhân thần, ban phúc hơn là gây họa.

Ở ông Địa có những thuộc tính dân dã rất gần với sinh hoạt thường ngày của con người. Ông Địa là người mau mắn sẵn lòng giúp đỡ mọi người không nề hà việc hèn mọn hay cao cả, không cần phải khẩn vái, cầu xin, chỉ cần một lời nhờ, gọi thông thường là đủ. Bởi vậy, ông Địa được nhờ giúp cả việc đỡ đỡ. Các bà mẹ gặp trường hợp đẻ khó thường nói: “để mau, mau mau ông Địa”. Ông Địa giúp cả việc dẫn vía trẻ nhỏ, chứng thực lễ thôi nôi, đầy tháng, tá thổ; thông thạo mọi ngõ ngách trong phạm vi mình quản lý cho nên thường là hướng dẫn viên cho việc tìm kiếm: “Tìm cây huê giếng nước” trong chạp Địa - Nàng, tìm đất tốt để gieo trồng, tìm vật bị đánh mất. Mỗi khi cần tìm vật gì người ta thường vái “ông bà, ông Địa”, ông Địa của cư dân Việt dường như có “họ hàng” với “Môn khẩu Thổ Địa tiếp dẫn Tài thần” một vị thần cửa - “tiếp dẫn viên” của người Hoa.

Xung quanh ông Địa có nhiều truyện vui gắn với thuộc tính của ông. Ông dễ tính, vị tha nên bị đổ oan: Một cô gái chưa chồng chưa hoang, bị tra vấn, khai gian là do ông Địa, khi đẻ con ra, đứa trẻ bị bầm, hay cười, quả có giống ông Địa; thành ra có “nỗi oan ông Địa” dân gian thường dùng trong khẩu ngữ. Ông Địa cả tin, ngây thơ nên cũng dễ bị lừa. Có người buôn bán, cầu ông Địa phù hộ để buôn may bán đắt, hứa cúng con hai cẳng, con bốn chân rồi con tám chân; ông Địa nhiệt thành trợ giúp, đầy hy vọng; cuối cùng được cúng con “cua nướng”. Ông Địa võ lễ, chỉ cười, thành ra có “nụ cười Ông Địa”, ông Địa có lúc nghịch ngợm, chơi khăm Hà Bá, bị Hà Bá đập xuống sông, bị uống nước đến “cái bụng chinh bình” như bây giờ. Và Địa cũng bị chơi khăm, do lỡ lời bị ông Táo đập rớt xuống đất, đành chịu ngồi dưới đất cho đến nay... Tích truyện truyền khẩu về ông Địa khá nhiều, thường là những chuyện vui nhằm cất nhĩa về tính cách vui nhộn, dễ tính của ông Địa.

Do thuộc tính dễ tính mà ông Địa hòa nhập với mọi giới (nông dân, thợ thủ công, thương nhân) được thờ cúng rộng rãi; thờ trong nhà, thờ cả trên ghe xuồng, trong chòi rẫy; người Công giáo cũng bắt đầu thờ ông Địa - thần Tài trong nhà.

Ngày vía của ông Địa chưa được giải thích đầy đủ, cư dân Việt ở Nam bộ giữ lệ cúng ông Địa vào ngày mùng 10 của 5 tháng đầu năm từ tháng

Giêng đến tháng 5 âm lịch. Những ngày này ông Địa - Thổ Công - thần Tài được cúng hoa, chuối, chè xôi và các thứ bánh ngọt khác. Người ta kiêng cúng ông Địa bằng chè hoặc bánh tét có đậu đen vì có chuyện kể rằng, có kẻ trộm giống đậu đen đem về trồng quanh miếu Ông Địa, khi bị phát hiện hấn đổ oan cho Ông Địa. Ông Địa bị tội oan, từ đó rất ghét đậu đen. Vào các ngày mùng 2 và 16 âm lịch hàng tháng ông Địa cũng được khấn cúng với lễ vật tùy tâm của gia chủ. Có người cho rằng từ tháng 6 âm lịch Thổ Địa đi tu cho nên không phải cúng. Cách giải thích đượm màu sắc Phật giáo như thế vẫn chưa lý giải được vì sao phải cúng vào ngày mùng 10. Theo Huỳnh Ngọc Trảng, lệ cúng ông Địa ngày mùng 10 âm lịch có lẽ xuất phát từ quan niệm cổ truyền “ngày mồng chín sinh trời, ngày mùng mười sinh đất”. Ông Địa là thần Đất nên được cúng trong ngày vía đất, 5 tháng đầu năm có lẽ là chu kỳ “thai nghén để sinh sản của đất” cho nên ông Địa được cầu cúng đáo lệ mỗi tháng.

Có lẽ vì ông Địa là vị thần dân dã dễ tính, dễ thờ cúng, sát hợp với tín ngưỡng của nhiều giới cho nên hiện tượng thờ cúng ông Địa phổ biến ở Đồng Nai - Nam bộ, thâm nhập vào thần điện của Phật giáo và đình thờ, được một số giáo dân dung nạp thờ trong nhà, đang có xu hướng lan tỏa khắp cả nước, và ông Địa ngày càng tăng vị thế của mình trong giới thị dân.

O.M

Dấu ấn thời khai khẩn qua tục thờ Sơn Quân

PHAN ĐÌNH DỨNG

Năm 1698, Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh thực hiện việc lập phủ Gia Định gồm 2 huyện Phước Long, dựng dinh Trấn Biên, H.Tân Bình dựng dinh Phiên Trấn trở thành mốc lịch sử quan trọng đối với vùng đất Nam bộ dưới sự quản lý của chúa Nguyễn.

Thực tế, để có cơ sở nền cho việc thành lập cơ sở hành chính này là những lưu dân Việt, Hoa trước đó đã đến đây khai khẩn và có cuộc sống khá ổn định, hình thành cơ sở để chúa Nguyễn “đặt đồn thu thuế” trước đó. Vùng đất rộng người thưa này trở thành điểm đến lý tưởng cho những nhóm di dân chọn để khai khẩn, mưu sinh. Thế nhưng, cuộc mưu sinh trên vùng đất Trấn Biên xưa, bao trùm cả Đồng Nai và các vùng phụ cận không hề đơn giản bởi “xứ sở lạ lùng” buổi ban đầu xa lạ, rừng thiêng nước độc, trên rừng muôn vàn thú dữ mà đặc biệt là loài cọp dữ.

Vùng Đồng Nai từ phía các cửa sông lên thượng nguồn xưa có những vùng đất nhiều bụi rậm của rừng thấp, bóng mát um tùm của những gốc cổ thụ, cây mây dài tạo thành nhiều chỗ trú sum suê, khắp nơi vang tiếng chim hót và tiếng thú kêu hay toàn rừng rậm hàng ngàn dặm, thú tập hợp thành đàn... Những lớp di dân bằng đường thủy muốn lập làng, tìm đất canh tác thì phải lên bờ, lựa chọn vùng đất phù hợp, đảm bảo an toàn cho chỗ tụ cư



Hình tượng Sơn Quân đắp nổi trong đình ở Biên Hòa

và thuận lợi sinh kế ban đầu. Trong muông thú của xứ sở hoang vu này có nhiều cọp dữ “dưới sông sáu lội, trên rừng cọp um”. Những người dân thời khai khẩn đối diện với loài cọp được mệnh danh “chúa sơn lâm” khi săn bắt, canh tác.

Tín ngưỡng thờ Sơn Quân

Với tín niệm “có thờ có thiêng, có kiêng có lành”, những cư dân đến khai khẩn vùng đất Đồng Nai luôn tôn trọng những thần linh bảo hộ cho cuộc sống của mình. Người dân lập làng, dựng miếu thờ thần làm chủ cuộc đất ở miếu, đình của làng xã cùng với tâm thức về tổ tiên quê gốc và với những thế lực có sức mạnh có thể tác động đến cuộc sống của cộng đồng. Vì vậy, đối với loài thú dữ mà cọp được mệnh danh là chúa tể của rừng núi được tôn thờ như một vị thần linh ở thiết chế tín ngưỡng cộng đồng với các mỹ danh Sơn Quân (chi thần, đại tướng quân, mãnh hổ...). Người dân tôn kính gọi là ngài, ông, chúa, thần... và kiêng việc gọi tên trực tiếp.

Tại các miếu, đình của làng thờ thần Thành hoàng, nơi thờ Sơn Quân được bố trí bằng một bàn thờ, miếu nhỏ độc lập. Bàn thờ được định vị với tôn danh thường dùng chữ Hán: Sơn Quân có thêm hình ảnh hay bài vị của một vị chủ tể núi rừng với tư thế dũng mãnh. Một số miếu, đình được chạm

nổi hay có tượng của Sơn Quân ở bệ thờ.

Ở một số nơi, người dân tôn cạp làm Hương Cả - chức vị đứng đầu trong hương chức của làng. Miếu thờ Sơn Quân trước đình Hòa Quới (cù lao Phố, P.Hiệp Hòa, TP.Biên Hòa) có 2 câu đối ca ngợi sức mạnh của Sơn Quân: Hùng hào tuấn kiệt nhứt mãnh hổ. Anh dũng oai linh thị sơn lâm.

Nhiều truyện kể dân gian ở Đồng Nai phản ánh một thời mưu sinh đầy gian nguy của những thế hệ đi trước khi lập làng, khai phá vùng rừng núi.

Liên quan tín niệm này, một số câu chuyện dân gian cho rằng: ở một số làng, các vị Hương Cả hay gia đình của họ thường bị tai họa hoặc trong làng xảy ra những việc lộn xộn. Vì vậy, khi làng cử cạp làm Hương Cả, thì làng bình yên, mùa màng tươi tốt, không bị xáo trộn, dịch bệnh. Mỗi năm, khi cúng miếu, đình, dân làng có bài sớ/tờ cử với nội dung biết ơn Sơn Quân và suy cử làm Hương Cả. Đồ cúng gồm đầu heo để trên bàn thờ. Trong đêm hoặc lúc không ai ngờ, thần Sơn Quân nhận tờ suy cử mới cùng đầu heo và để lại tờ cử năm trước.

Lễ cúng tại miếu thờ Sơn Quân ở các nơi khác nhau. Những miếu thờ độc lập lễ cúng được chọn vào một ngày cụ thể, theo lệ xưa truyền giữ. Các miếu trong phạm vi đình làng tổ chức trong dịp lễ Kỳ yên. Các nghi thức được tổ chức nghiêm cẩn nhưng quy mô không lớn thức cúng thần, có hương lễ, hương chức, học trò lễ, ông từ tham gia tuần tự xướng nghi, dâng lễ, đọc và hóa văn tế... Lễ vật là heo, xôi, bánh và các phẩm vật (nhang, đèn, rượu).

Diệt cạp trừ họa cho dân

Trong hành trình mở đất, khai khẩn, lập làng, người dân vừa tín niệm thờ Sơn Quân thể hiện sự tôn trọng đối với “chúa tể sơn lâm” nhưng cũng đồng thời bằng sức mạnh, mưu trí bảo đảm cho sự an toàn cho cộng đồng khi cạp dữ phá hoại. Rừng bạt ngàn và cạp thì nhiều nên trước mối hiểm nguy phải đối diện, xuất hiện những con người mưu trí, gan dạ đánh nhau với loài cạp dữ bảo vệ cộng đồng. Kho tàng truyện kể dân gian Nam bộ, chuyện về loài cạp chiếm số lượng lớn.

Đất Đồng Nai lưu truyền về những người dân bằng mưu trí của mình đánh nhau với cạp. Dòng họ Nguyễn ở làng Phú Mỹ (xã Phú Hội, H.Nhơn Trạch) có công lớn trong khai khẩn, lập đình còn lưu truyền về ông Nguyễn

Văn Sắc đánh nhau với cọp. Đình làng được dựng lên giữa rừng và cọp hay đến quấy phá, rình chụp vật nuôi của người dân. Nhằm trừ mối nguy cho dân làng, ông Sắc mai phục, đánh nhau với cọp. Trong một trận đánh với cọp, ông Sắc đã quần thảo với loài thú dữ và bị móng vuốt cọp vồ làm mất máu nhiều. Dân làng đến cứu nhưng ông không qua khỏi. Cọp bị thế võ của ông đánh rút vào rừng và không còn đến quấy phá dân làng.

Cánh đồng Tân Cang (P.Phước Tân, TP.Biên Hòa) giữa các khu rừng đồi được người dân đến canh tác. Cọp dữ trong rừng cứ đợi đêm xuống ra phá nát vườn cây, mùa màng. Để giúp cha bảo vệ mùa màng, người con gái tìm thầy học những thế võ điêu luyện, nấp mình sau tảng đá chờ cọp xuất hiện. Trận đánh giữa cọp và người con gái diễn ra ác liệt nhưng bằng thế võ hiểm, cô gái đã chiến thắng. Thấy cọp đầu đàn bị giết, những con cọp còn lại tìm đến nơi khác sống.

Vùng Hóa An (TP.Biên Hòa) trước đây là dãy rừng nối dài, cọp nhiều vô kể. Nhiều người dân vào rừng bị cọp vồ mất xác. Cọp ở đây ăn thịt nhiều người trở thành tinh và luôn biết né tránh những cái bẫy cài sẵn của con người. Trừ họa cho dân, 2 thầy võ từ vùng Tân Khánh (xưa thuộc Biên Hòa, nay thuộc Tân Uyên, Bình Dương), Dĩ An (Bình Dương) với tài nghệ côn quyền, kiếm thuật dẫn môn sinh vào rừng trực tiếp đánh cọp. Trận chiến giữa cọp và người diễn ra căng thẳng kéo dài một ngày đêm. Những con cọp hung hăng, nhe nanh vuốt, nhảy vồ. Thầy võ và môn sinh vừa hiệp sức đánh và tung lưới vây. Cọp chết, người chết khiến nhiều người hoảng sợ bỏ chạy. 2 thầy võ quyết tâm hiệp lực tạo thế dồn cọp đầu đàn vào thế hiểm, gồng sức siết cổ cho đến chết. Cọp dữ chết nhưng 2 thầy cũng kiệt sức vì bị thương, qua đời để lại niềm thương tiếc, cảm phục cho dân làng. Để trả thù cho thầy, các môn sinh tiếp tục vào rừng tìm đánh các bầy cọp còn lại khiến chúng bỏ đi nơi khác.

Những câu chuyện dân gian cho thấy một thời đầy khó khăn, gian khổ khi những thế hệ người dân buổi đầu khai khẩn trên vùng đất Đồng Nai.

*Đồng Nai xưa với rừng núi
bạt ngàn, kéo dài dọc sông,
cọp dữ hoành hành ngay
bên những làng mới lập. Môi
trường tự nhiên của Đồng
Nai giờ khác xưa với sự phát
triển của cư dân và đô thị
hóa. Thế nhưng, nhiều nơi
vẫn còn những tên gọi về địa
danh, thiết chế đình, miếu
nhắc nhớ về một thời khai
khẩn với nhiều khó khăn,
gian khổ mà cư dân thời khai
khẩn đối diện.*



Miếu Bà Mụ Cọp ở làng Bến Gỗ xưa, P.An Hòa nay

Đối diện với mối nguy từ thú dữ, họ đương đầu và chịu những tổn thất về tính mạng để bảo vệ cho làng thôn, xóm ấp yên lành. Sự gan dạ của những người đánh cọp đã góp phần cho những nhóm cộng đồng an cư, tiếp tục khai thác những vùng đất rừng hoang vu, biến đổi thành làng mạc, mở rộng các cánh đồng canh tác.

Bên cạnh những câu chuyện về đánh nhau với cọp dữ, ở Đồng Nai còn lưu truyền việc những con cọp hiền lành, biết trả ơn con người. Vùng núi Bửu Long xưa (Biên Hòa), Đá chồng Định Quán có truyền tích liên quan những con cọp trong rừng tìm đến đền chùa nằm yên khi nhà sư gõ mõ tụng kinh. Làng Bến Gỗ (P.An Hòa, TP.Biên Hòa) có miếu Bà Mụ nhắc về chuyện cọp trả ơn sau khi người phụ nữ giúp cọp sinh con. Tên tuổi và mộ của bà mụ cách đây gần 2 thế kỷ vẫn còn di tích trong miếu thờ tại địa phương. Mặc dù có những tình tiết huyền hoặc nhưng cho thấy ẩn ý sâu xa trong các truyền tích về sự hướng thiện trong cộng đồng...

P.Đ.D

Thực hiện địa bạ ở Biên Hòa thời vua Minh Mạng

PHAN ĐÌNH DỨNG

**Ảnh hưởng của chúa Nguyễn đối với vùng đất Đông
Nai - Gia Định ngày càng lớn và trải qua nhiều sự kiện.
Năm 1698 đánh dấu mốc quan trọng khi chúa Nguyễn
thiết lập bộ máy hành chính dù còn đơn giản nhưng
thể hiện tính chất pháp lý về mặt quản lý nhà nước của
chính quyền Đàng Trong.**

Từ đầu thế kỷ XIX, triều Nguyễn thành lập và hai vị vua Gia Long (1802-1819), Minh Mạng (1820-1840) tiếp tục những cải tổ hành chính để thực thi quản lý hiệu quả.

Đặc biệt, thời vua Minh Mạng đã thực hiện đo đạc, thống kê ruộng làm cơ sở cho việc lập địa bạ song song với việc đảm bảo an ninh. So với các vùng đất khác, các tỉnh Nam kỳ được thực hiện việc địa bạ chậm trễ hơn bởi nhiều yếu tố. Tuy nhiên, công việc quan trọng này ở Nam kỳ dù muộn đã phản ánh tính chất quản lý thống nhất chung trên toàn đất nước dưới đầu của triều Nguyễn.

Việc thực hiện địa bạ thời vua Minh Mạng ở Nam kỳ bắt đầu từ tháng 2-1836, sau 4 năm thực hiện cải cách hành chính ở Nam kỳ. Lúc bấy giờ, toàn Nam kỳ được chi thành 6 tỉnh và tỉnh Biên Hòa có địa giới khá rộng, bao gồm một số tỉnh thuộc Đông Nam bộ ngày nay (một phần Thủ Đức,

TP.HCM, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước và một phần Bình Thuận ngày nay).

Đoàn kinh lý thực hiện nhiệm vụ địa bạ sáu tỉnh Nam kỳ gồm 70 người, do Cơ mật đại thần Thượng thư Bộ Binh Trương Đăng Quế và Thượng thư Bộ Lại Nguyễn Kim Bảng làm Kinh lược đại sứ. Sau này do ông Nguyễn Kim Bảng bị bệnh, tuổi cao nên ông Trương Minh Giảng lúc bấy giờ đang là Trấn Tây tướng quân được cử thay thế. Hai phó sứ gồm: Tôn Thất Bạch (Thự hữu Thị lang Bộ Lễ) và Thự thông chính sứ Nguyễn Đắc Trí.

Các quan đầu tỉnh phải đón tiếp và phối hợp, cung ứng nhân lực tại chỗ tham gia nhiệm vụ gồm: 1 quản cơ, 4 suất đội, 200 biên binh. Nhiệm vụ của đoàn kinh lược rất quan trọng, được vua Minh Mạng giao phó, xem là việc hệ trọng của đất nước; trong đó chú ý đến: Tuyển lính để bảo vệ dân, đặc ruộng để định cương giới, việc lợi nên làm, việc hại nên bỏ, nhân dân có điều gì oan ức nên làm võ lễ mà gỡ oan...

Nhiệm vụ tại tỉnh Biên Hòa do hai ông Phó sứ Tôn Thất Bạch, Nguyễn Đắc Trí đảm trách. Đến tháng 4-1836, việc tuyển lính ở tỉnh Biên Hòa cùng



Bản đồ Biên Hòa thời vua Minh Mạng sau khi thực hiện địa bạ (bản đồ đen)

Ảnh tư liệu

5 tháng thực hiện địa bạ ở Nam kỳ, trong đó có tỉnh Biên Hòa là nỗ lực rất lớn của đoàn kinh lý do vua Minh Mạng phái cử. Trên cơ sở này, triều Nguyễn đã có những chính sách quản lý, phát triển Nam kỳ.

với Gia Định, Định Tường, Vĩnh Long cơ bản hoàn thành. Nhiệm vụ đo đạc ruộng đất gặp nhiều khó khăn bởi nhiều yếu tố tác động từ chính sách quản lý lỏng lẻo trước đây, chưa nắm rõ sở hữu đất đai của nhiều người, đo đạc, kê khai chưa chính xác, cách tính chưa thống nhất... Thậm chí, có nhiều sở hữu ruộng đất chống đối, không hợp tác bằng nhiều cách. Đa số người dân nghèo ủng hộ vì được đo đạc, thống kê và khuyến khích

khai khẩn thêm để sản xuất, căn cứ mà đóng thuế, không bị cường hào ức hiếp như trước.

Để thực hiện việc đo đạc ruộng đất thuận lợi, quan Trương Đăng Quế tấu trình về triều đề nghị điều phái những người am hiểu vào hỗ trợ thực hiện. Đến tháng 7-1836, việc đo đạc ruộng đất ở các tỉnh Nam kỳ hoàn thành: gồm 20.197 sở, 13 dây, 8 khoảnh và hơn 3.464 mẫu, qua đo đạc, phân thành các hạng ruộng đất bao gồm 630.075 mẫu.

Các đơn vị thống nhất trong đo đạc lúc này gồm: mẫu (4.894m²4016), cao/sào (489m²44016), xích/thước (32m² 63939), thốn/tấc (3m²263934), Phân (0m²2326393) và có thêm đơn vị gọi khẩu (48m²944016), sở, khoảnh.

Số liệu đo đạc thường thể hiện từ mẫu, sào, thước, tấc và được ghi chép các con số bởi dấu chấm. Ví dụ, diện tích đất được đo đạc ghi chép: 182.5.12.4 có nghĩa diện tích là 182 mẫu, 5 sào, 12 thước, 4 tấc.

Triều Nguyễn kế thừa định chuẩn về thước của thời nhà Lê làm ra một quan điền xích là 0m4664 làm chuẩn để đo đạc thống nhất trong cả nước.

Nhà nghiên cứu Nguyễn Đình Đầu đã xuất bản công trình nghiên cứu địa bạ của triều Nguyễn, trong đó có tỉnh Biên Hòa xưa. Tỉnh Biên Hòa vào thời điểm thống kê, đo đạc ruộng đất gồm có phủ Phước Long với 4 huyện: Bình An (8 tổng, 89 thôn, ấp, xã, thuyền), Long Thành (4 tổng, 53 thôn, hộ, phường, ấp), Phước An (4 tổng, 42 thôn, ấp, xã, phường, thuyền) và Phước Chánh (6 tổng, 101 thôn, xã, phường). Ruộng đất được thống kê và phân loại, ghi chép được 282 sổ địa bạ với thôn, làng cụ thể. Tổng diện tích đo đạc và diện tích sử dụng đều được ghi chép rõ ràng theo loại (đất rừng, đất núi, đất đồi, đất gò, đất thổ mộ/nghĩa địa...). Đất đai được phân loại công (phủ lý, công quán, binh xá, lập chợ...) và tư (người dân sở hữu, quan lại

được cấp...), đất tín ngưỡng, tôn giáo (chùa, đình, đền...), dùng đất lâu năm, đất mới khai phá và cả đất hoang hóa. Về đất ruộng được phân theo hình thức sở hữu công, tư và canh tác hay sử dụng khai thác khác (chủ yếu là nuôi cá, làm muối). Đất đai trồng loại cây gì trên cơ sở đó mà ứng dụng lệ thuế (trồng lúa, khoai, đậu, mía, dâu, tiêu, trầu, tre...).

Ngày nay, phần lớn H.Phước An thuộc địa giới tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và H.Bình An thuộc tỉnh Bình Dương cũng như một số tổng được chuyển nhập về sau thuộc TP.Thủ Đức. Trong thời vua Minh Mạng, tỉnh Biên Hòa tiến hành lập địa bạ thêm cho một số làng, xã, thôn (mới thành lập) vào năm 1837.

Kết quả thực hiện địa bạ năm 1836 đã góp phần cho việc ổn định đời sống của người dân, nhà nước nắm rõ được dân đinh, quy mô các chủ sở hữu đất đai, thống nhất quy thức tính toán đơn vị đo đạc, định lại việc thuế, giải quyết những vấn đề liên quan an ninh, xã hội. Ở nhiều nơi trên đất Nam kỳ, người dân được khuyến khích mở đất lập làng, khai khẩn, phát triển. Song hành với giá trị về chế độ quản lý ruộng đất ở Nam kỳ, tài liệu về địa bạ có giá trị nghiên cứu về nhiều lĩnh vực lịch sử, địa lý, kinh tế, văn hóa, ngôn ngữ, địa danh... của vùng đất lục tỉnh, trong đó có Biên Hòa xưa - Đồng Nai ngày nay.

P.Đ.D

Tản mạn địa danh Hố, Trảng ở Đồng Nai

PHAN ĐÌNH DŨNG

Tính đến tháng 4-2023, tỉnh Đồng Nai có 170 đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn của 11 đơn vị hành chính (2 thành phố, 9 huyện). Các đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn (gọi tắt cơ sở) cũng có nhiều thay đổi về tên gọi, địa giới qua những lần điều chỉnh của các cấp quản lý theo luật.

Điều thú vị, tên gọi của các đơn vị hành chính cấp cơ sở này phản ánh những chiều kích lịch sử, văn hóa của vùng đất trải qua nhiều thời kỳ. Trong số những địa danh hành chính cơ sở này, một số tên gọi đã chỉ rõ những đặc điểm về địa hình tự nhiên: Hố (P.Hố Nai, xã Hố Nai 3), trảng (P.Trảng Dài, TT.Trảng Bom, H.Trảng Bom), suối (P.Suối Tre, xã Suối Cao, xã Suối Cát), bầu (P.Bầu Sen, xã Bầu Hàm, xã Bầu Hàm II, xã Bầu Trâm), sông (xã Sông Trầu, xã Sông Thao, xã Sông Ray).

Vùng đất Nam bộ có những địa danh gắn với đặc điểm tự nhiên về địa hình khá phổ biến. Tỉnh Biên Hòa không phải là ngoại lệ khi các cư dân Việt, Hoa đến khai khẩn, có sự kế thừa của các tộc người sinh sống trước đó. Tuy nhiên, tùy theo tính chất của mỗi vùng và liên quan đến thể chế quản lý, nên có những địa danh được dùng làm đơn vị hành chính (thôn, làng, ấp, xã...). Nhiều địa điểm, địa bàn hay khu vực có đặc điểm

địa hình được dùng theo cách gọi của cư dân như: đồng, bãi, bàu, bưng, đầm, vũng, xẻo, mương, rạch, cồn, giồng, hố, lạch, lán, động, gành, mũi, bến, cù lao, đảo...

Hố Nai là địa bàn khá rộng, được tách ra thành nhiều đơn vị hành chính cấp xã. Từ năm 1955 trở về sau, cư dân tập trung nhiều khi chính quyền Việt Nam cộng hòa thành lập những cụm cư dân, đẩy mạnh khai phá theo trục lộ và vùng phụ cận. Tên gọi Hố Nai trở thành đơn vị hành chính chính thức từ năm 1957, thuộc tổng Phước Vĩnh Thượng, Q.Châu Thành (sau thuộc Q.Đức Tu), tỉnh Biên Hòa. Một số người dân cho rằng Hố Nai trước 1975 là vùng đất rộng, với ranh giới theo trục lộ từ Suối Đĩa (Trảng Bom) đến Suối Sắn Máu (Biên Hòa). Sau năm 1975, Hố Nai được chia thành nhiều đơn vị hành chính: P.Hố Nai 1 (TP.Biên Hòa) và xã Hố Nai 1, 2, 3, 4 thuộc H.Thống Nhất. Hiện nay, có P.Hố Nai thuộc TP.Biên Hòa và xã Hố Nai 3 thuộc H.Trảng Bom. Một số nhà nghiên cứu hay sử dụng tên gọi Hố Nai cùng với Đồng Nai để giải thích về một khu vực có nhiều nai sinh sống: cánh đồng có nhiều nai (Đồng Nai), Hố có nhiều nai (Hố). Hố được cho là chỗ đất trũng, mùa nắng khô ráo nhưng mùa mưa có nơi có nước lấp xấp. Chỗ có nước và cỏ nên nai thường tìm đến. Như vậy, có thể nói, Hố Nai là một khu vực rộng lớn, nơi có nhiều hố chứ không chỉ là số ít. Đây là khu vực rừng núi thấp trước đây, được khai phá sớm nhưng cư dân rải rác. Trịnh Hoài Đức là



Ngã tư đường Trần Văn Xá - Nguyễn Khuyến thuộc vùng đất Trảng Dài hôm nay

vị quan của các đầu triều Nguyễn, cũng là nhà thơ có nhiều bài vịnh về cảnh đẹp của xứ Đồng Nai - Gia Định. Trong 30 bài nói về cảnh đẹp của trấn Gia Định, Trịnh Hoài Đức có những cảm tác với tình cảm dạt dào, đắm thắm trước những chùa chiền, đền miếu, cảnh đẹp và cuộc sống con người ở Biên Hòa xưa, trong đó có Hố Nai. Bài Lộc Động tiêu ca (Tiếng hát ông tiêu ở Hố Nai) phản ánh góc nhìn về hình ảnh người đốn củi giữa núi rừng với tâm thế tự tại giữa cảnh núi bạt ngàn, trên trời mây bay gió thổi, tiếng róc rách của dòng suối trong mát và mái nhà đầm ấm khi trở về có người thân chờ đợi.

Phong phi tiêu phát bạch bà bà,
 Lộc động sơn trung suất tính ca.
 Dã điệu thanh tòng khảm thụ chấn,
 Thôn xong vận dự lưu tuyên hòa.
 Vân phi hữu ý liên lưu cừ,
 Hạc thị tri âm quyến luyến đa.
 Nhật mộ quy lai lão phụ vấn,
 Vi ngôn tăng kiến Tấn đồng đà.

Dịch thơ (Hoài Anh):

Gió đùa mái tóc trắng phau phau
 Tiêu hát hồn nhiên trong núi sâu
 Điệu mộc theo tiếng cây theo đẵn gục,
 Lời quê vẫn họa suối tuôn mau.
 Mây không có ý lưu liên mãi
 Hạc ấy tri âm quyến luyến nhiều
 Trời tối trở về bà lão hỏi
 Đà đồng đời Tấn dấu lần theo.

Trên Đồng Nai có nhiều địa danh bắt đầu từ chữ trắng: Trắng Táo, Trắng Bom, Trắng Dài... Trắng là địa hình trống trải không có cây mọc, ở giữa một khu rừng hay bên cạnh một khu rừng. Hiện nay, tên gọi Trắng Dài là đơn vị cấp phường của TP.Biên Hòa và TT.Trắng Bom thuộc huyện cùng tên.

Phường Trắng Dài thành lập năm 1994 trên cơ sở tách ra từ P.Tân Phong. Tân Phong là làng được khai phá sớm, diện tích rộng, rừng đồi khá nhiều thuộc tổng Phước Vinh (sau này là Phước Vĩnh Trung), H.Phước Chánh, trấn Biên Hòa. Về phía chính quyền cánh mạng, từ năm 1948 đến năm 1954, địa bàn Trắng Dài thuộc H.Vĩnh Cửu. Vùng